



BẢN TIN CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 15/2026
Từ 20/4 - 24/4/2026

TIN NỔI BẬT CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

SƠ KẾT 01 NĂM SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, VẬN HÀNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ký Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 21/4/2026 ban hành Kế hoạch tổ chức sơ kết 01 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp.



Ảnh: Ngày 01/7/2025, Tổng Bí thư Tô Lâm đi thăm, kiểm tra hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp tại xã Phúc Thịnh, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

Mục đích nhằm tổ chức sơ kết, đánh giá toàn diện, khách quan kết quả 01 năm triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp trên phạm vi cả nước; làm rõ những kết quả nổi bật, điển hình, cơ bản đã đạt được, chỉ ra những hạn chế, khó khăn, vướng mắc chủ yếu, nguyên nhân chủ quan, khách quan và những bài học kinh nghiệm sâu sắc.

Trên cơ sở đó, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của giai đoạn 2026 - 2030 để tiếp tục hoàn thiện chính quyền địa phương 02 cấp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương, đặc biệt là cấp xã, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu phát triển của từng địa phương và của cả nước trong giai đoạn mới.

Theo Kế hoạch, các bộ ngành, địa phương sẽ tổ chức sơ kết và báo cáo đánh giá toàn diện về: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kết quả sau 01 năm vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; bài học kinh nghiệm, cách làm hay cần nhân rộng; giải pháp, phương hướng giai đoạn 2026 - 2030 và kiến nghị.

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Trong đó, Kế hoạch lưu ý cần tổ chức sơ kết một số nội dung trọng tâm sau:

Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện, các bộ ngành, địa phương cần đánh giá việc quán triệt, nâng cao nhận thức trong toàn hệ thống chính trị và định hướng dư luận xã hội đối với việc sắp xếp đơn vị hành chính và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; việc ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước liên quan đến công tác sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp. Đặc biệt là công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức triển khai thực hiện của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ và phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, rà soát, đánh giá việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã khi tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; đánh giá tính khả thi các nhiệm vụ, thẩm quyền thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ đã phân cấp, phân quyền từ trung ương xuống địa phương; những vướng mắc, khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp, phân quyền từ trung ương đề nghị tiếp tục tháo gỡ, ban hành văn bản hướng dẫn; đánh giá nhiệm vụ, nội dung cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp xã gắn với cải cách thủ tục hành chính.

Về tổ chức bộ máy và nhân sự, đánh giá tình hình, kết quả sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của các bộ, ngành, địa phương, đặc biệt là việc điều chỉnh các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ công (như Ban Quản lý, các Trung tâm,...); việc kiện toàn cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp xã và Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp. Trong đó, chú trọng đánh giá mức độ hiệu quả hoạt động, sự phù hợp trong quy định về chức năng, nhiệm vụ sau khi sắp xếp; những khó khăn, vướng mắc và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức này.

Đánh giá tổng thể việc bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sau sáp nhập đơn vị sự nghiệp, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, đặc biệt là hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại cấp xã sau sắp xếp, trọng tâm là đánh giá mức độ phù hợp giữa vị trí việc làm với trình độ, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức, những khó khăn, vướng mắc và giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đội ngũ này trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; đánh giá tình hình bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã làm nhiệm vụ hỗ trợ cho hoạt động của hệ thống chính trị tại đơn vị hành chính cấp xã mới từ ngày 1/7/2025 đến nay.

Đánh giá mức độ hiệu lực, hiệu quả vận hành của tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện chức năng quản trị, kiến tạo phát triển và phục vụ Nhân dân, nhất là trong việc cung ứng dịch vụ công; trong đó làm rõ mức độ thông suốt, liên thông trong xử lý công việc giữa các cấp, các cơ quan; chất lượng, tiến độ giải quyết thủ tục hành chính;

mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; khả năng thích ứng của bộ máy và đội ngũ sau sắp xếp; những vấn đề đặt ra cần tiếp tục hoàn thiện để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương.

Về thủ tục hành chính, đánh giá việc triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, việc kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia, VNeID, thanh toán điện tử; tỷ lệ cấu hình thủ tục hành chính, mức độ liên thông, hoạt động của Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo các mức độ và kết quả đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính và cung ứng dịch vụ công; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.

Về bảo đảm nguồn lực tài chính hoạt động của chính quyền cấp xã, cụ thể:

Đối với phân bổ dự toán ngân sách nhà nước: Đánh giá việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước cho chính quyền cấp xã sau sắp xếp, trong đó làm rõ nguyên tắc, tiêu chí, mức độ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; khả năng đáp ứng yêu cầu hoạt động thường xuyên và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; những khó khăn, bất cập trong quá trình phân bổ và tổ chức thực hiện.

Đánh giá tình hình thực hiện thu, chi ngân sách của chính quyền cấp xã; mức độ chủ động trong quản lý, điều hành ngân sách; hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính; việc bảo đảm cân đối ngân sách, chấp hành kỷ luật, kỷ cương tài chính; những khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị, đề xuất.

Đánh giá nhu cầu và đề xuất cơ chế, chính sách tài chính đặc thù đối với chính quyền cấp xã sau sắp xếp, nhất là các địa bàn có quy mô lớn, điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc phát sinh nhiệm vụ mới; trong đó làm rõ yêu cầu về định mức phân bổ, cơ chế tự chủ và các giải pháp bảo đảm nguồn lực ổn định, lâu dài cho hoạt động của chính quyền cấp xã.

Về cơ sở vật chất, hỗ trợ nhà ở, trang thiết bị, tài sản công, đánh giá tổng thể về việc xử lý, sử dụng cơ sở nhà đất, trang thiết bị, tài sản công; các điều kiện đảm bảo vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, bao gồm cơ sở vật chất, trụ sở làm việc, phòng họp trực tuyến, trang thiết bị làm việc; các chính sách hỗ trợ về đi lại, nhà ở đối với công chức, viên chức sau khi thực hiện sắp xếp; về giải quyết tài sản công dôi dư (trụ sở, đất đai, trang thiết bị với số lượng, tỷ lệ cụ thể).

Về hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số, đánh giá mức độ chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương; đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin, mức độ triển khai chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; trong đó làm rõ mức độ đồng bộ, liên thông hệ thống thông tin giữa các cấp; khả năng đáp ứng trong giải quyết thủ tục hành chính, cung ứng dịch vụ công trực tuyến; mức độ tiếp cận, sử dụng dịch vụ số của người dân, doanh nghiệp; kỹ năng số của cán bộ, công chức cấp xã; những khó khăn, vướng mắc, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp và nhu cầu đầu tư, nâng cấp trong thời gian tới.

Đánh giá việc hình thành dữ liệu dùng chung, khả năng khai thác dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành chuyên môn, nghiệp vụ, triển khai Kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết

thủ tục hành chính của ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước và hiệu quả ứng dụng khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Số hóa, chỉnh lý tài liệu lưu trữ, đánh giá công tác số hóa, chỉnh lý, quản lý hồ sơ, tài liệu lưu trữ; trong đó làm rõ khối lượng, tiến độ số hóa, mức độ hoàn thiện việc chỉnh lý hồ sơ, tài liệu sau sắp xếp đơn vị hành chính; việc tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ phục vụ công tác quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính; mức độ bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin; những khó khăn, vướng mắc và nhu cầu về nguồn lực, hạ tầng, giải pháp trong thời gian tới.

Thời gian sơ kết

Theo Kế hoạch, các bộ, cơ quan ngang bộ gửi báo cáo sơ kết tình hình thực hiện của cơ quan về Bộ Nội vụ trước ngày 10/5/2026.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức sơ kết từ cấp xã đến cấp tỉnh; hoàn thành trước ngày 10/5/2026, gửi báo cáo về Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan trung ương liên quan trước ngày 15/5/2026.

Ban Chỉ đạo Trung ương tổ chức sơ kết trước ngày 20/6/2026.

Nguồn: baohinhphu.vn

QUỐC HỘI THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT THÀNH LẬP THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI, HIỆU LỰC TỪ 30/4/2026

Sáng ngày 24/4/2026, trước khi bế mạc Kỳ họp thứ Nhất, với 478/487 đại biểu tham gia tán thành, Quốc hội đã chính thức thông qua Nghị quyết thành lập thành phố Đồng Nai.

Theo quyết nghị của Quốc hội, quyết định thành lập thành phố Đồng Nai trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của tỉnh Đồng Nai. Thành phố Đồng Nai giáp Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Tây Ninh và Vương quốc Campuchia. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 30/4/2026.

Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành) và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này; sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức ở địa phương theo quy định; ổn định đời sống của Nhân dân địa phương, bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh trên địa bàn.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tên gọi gắn với địa danh tỉnh Đồng Nai được đổi tên để hoạt động với tên gọi thành phố Đồng Nai kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, chức danh có thẩm quyền ban hành, cấp trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, thu hồi bởi cơ quan, người có thẩm quyền.

Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, ngoài các chế độ, chính sách đối với thành phố trực thuộc trung ương, các cơ chế, chế độ, chính sách đặc thù đối với tỉnh Đồng Nai vẫn tiếp tục được thực hiện trên địa bàn thành phố Đồng Nai cho đến hết giai đoạn áp dụng hoặc đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Bảo đảm 5/5 điều kiện; 7/7 tiêu chuẩn thành lập thành phố trực thuộc Trung ương

Trước đó, sáng ngày 20/4/2026, Quốc hội đã nghe Tờ trình và báo cáo thẩm tra về việc thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương. Đề án được đánh giá đã bảo đảm đầy đủ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn, mở ra động lực phát triển mới cho vùng Đông Nam Bộ và cả nước. Thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Đỗ Thanh Bình trình bày Tờ trình

Theo Bộ trưởng Bộ Nội vụ, trong tiến trình phát triển của vùng Đông Nam Bộ và cả nước, Đồng Nai đã phát huy tốt tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, truyền thống lịch sử, quốc phòng, an ninh, văn hóa, xã hội để phát triển trở thành một trong những địa phương có quy mô kinh tế lớn, thuộc nhóm dẫn đầu cả nước.

Với vai trò là đầu mối liên kết trực tiếp các hành lang phát triển và trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước là TPHCM với khu vực Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, cùng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, công nghiệp, dịch vụ, logistics được đầu tư ngày càng đồng bộ, hiện đại cùng với Cảng hàng không quốc tế Long Thành đang được xây dựng và hoàn thiện với tiến độ nhanh, Đồng Nai đã hội tụ đầy đủ các yếu tố của một đô thị có tiềm năng phát triển lớn, đa trung tâm, đa chức năng và có tính lan tỏa mạnh trên phạm vi vùng phía Nam và cả nước.

Việc thành lập thành phố Đồng Nai sẽ tạo động lực phát triển mới không chỉ cho Đồng Nai mà còn đóng góp thiết thực cho khu vực miền Nam và cả nước. Đây là bước chuyển căn bản về mô hình phát triển và mô hình quản trị địa phương nhằm đưa Đồng Nai trở thành đô thị lớn, có chức năng chia sẻ, liên kết, tương hỗ cùng phát triển với TPHCM, đạt mục tiêu trở thành cực tăng trưởng quan trọng của quốc gia, giữ vai trò là trung tâm kết nối kinh tế vùng và cửa ngõ hội nhập quốc tế, là hình mẫu phát triển năng động, hiện đại, văn minh làm cơ sở định hướng không gian phát triển mới cho cả Vùng Đông Nam Bộ theo Kết luận của Bộ Chính trị.

Từ những cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc trung ương là cần thiết.

Theo phương án trình Quốc hội, thành phố Đồng Nai sẽ được thành lập trên cơ sở nguyên trạng **12.737,18 km²** diện tích tự nhiên, quy mô dân số **4.491.408** người và 95 đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai.

Kết quả sau khi thành lập, thành phố Đồng Nai trực thuộc trung ương không thay đổi về diện tích tự nhiên và quy mô dân số; có 95 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 33 phường và 62 xã. Cả nước có 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh, gồm 07 thành phố và 27 tỉnh (giảm 01 tỉnh, tăng 01 thành phố).

Về trụ sở, Trụ sở của thành phố Đồng Nai trực thuộc trung ương được giữ nguyên như hiện nay.

Về phương án sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy, cơ bản giữ nguyên trạng tổ chức bộ máy tại các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của tỉnh Đồng Nai hiện nay; thành lập mới các cơ quan, đơn vị theo quy định của Đảng, điều lệ của tổ chức và của pháp luật.

Đối với phương án sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trước mắt, giữ nguyên trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của tỉnh Đồng Nai hiện nay; đồng thời tỉnh Đồng Nai đã có phương án, lộ trình thực hiện sắp xếp, bố trí nhân sự theo quy định bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền đô thị.

Nguồn: baohinhphu.vn

THÍ ĐIỂM CHẾ ĐỊNH LUẬT SƯ CÔNG TẠI 8 BỘ VÀ 10 ĐỊA PHƯƠNG TRONG 2 NĂM

Với 467/484 đại biểu tham gia biểu quyết tán thành, sáng 24/4/2026, Quốc hội khoá XVI đã thông qua Nghị quyết của Quốc hội về thực hiện thí điểm chế định luật sư công.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2026 và được thực hiện đến hết ngày 30/9/2028. Nghị quyết quy định thí điểm thực hiện chế định luật sư công, gồm nguyên tắc hoạt động, tiêu chuẩn, phạm vi công việc, quyền và nghĩa vụ, quy trình giải quyết công việc và chế độ chính sách đối với luật sư công.

Việc thí điểm chế định luật sư công (theo khoản 2, Điều 1 của Nghị quyết) được tổ chức và thực hiện tại Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng; UBND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ, Đồng Nai, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Khánh Hòa và Lâm Đồng.

Luật sư công là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước mà đại diện chủ sở hữu là cơ quan (quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này) được cấp chứng chỉ hành nghề luật sư để thực hiện các công việc có tính chất pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan nhà nước, cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, doanh nghiệp nhà nước theo quy định của nghị quyết này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Về tiêu chuẩn của luật sư công, theo nghị quyết, người muốn trở thành luật sư công phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây: Là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước; có tư tưởng chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp trong sáng, liêm chính; có đủ tiêu chuẩn luật sư theo quy định của Luật Luật sư; có ít nhất 5 năm kinh nghiệm làm việc thường xuyên, trực tiếp trong lĩnh vực pháp luật hoặc kinh nghiệm tranh tụng, tư vấn pháp luật hoặc giải quyết vụ, việc pháp lý phức tạp theo quy định của Chính phủ.

Cũng theo nghị quyết, Chính phủ sẽ quy định việc tập sự hành nghề luật sư, kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư và các tiêu chuẩn của luật sư công phù hợp với vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước.

Tại thời điểm Nghị quyết này hết hiệu lực thi hành mà các vụ, việc do luật sư công đang thực hiện chưa kết thúc thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc vụ, việc đó. Khi thực hiện vụ, việc, luật sư công có các quyền, nghĩa vụ và được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Nghị quyết này.

Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định của Nghị quyết này.

Thời gian thí điểm 2 năm là phù hợp

Trước khi Quốc hội biểu quyết thông qua, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thanh Tùng đã trình bày Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thực hiện thí điểm chế độ luật sư công.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thanh Tùng cho biết, việc xác định phạm vi thí điểm tại 8 Bộ và 10 địa phương được xây dựng trên cơ sở tiêu chí lựa chọn các cơ quan, địa phương có phạm vi quản lý rộng, tính chất công việc phức tạp, mức độ phát triển kinh tế - xã hội cao, qua đó có khả năng phát sinh nhiều vụ việc thuộc phạm vi hoạt động của luật sư công. Quy định này đồng thời thể chế hóa Kết luận số 23-KL/TW của Bộ Chính trị, bảo đảm tính thống nhất về chủ trương và định hướng chính sách.

Với quy mô thí điểm nêu trên, cùng sự chỉ đạo tập trung của Chính phủ và trách nhiệm tổ chức thực hiện của các cơ quan liên quan, thời gian thí điểm 2 năm là phù hợp để theo dõi, đánh giá toàn diện hiệu quả của chế độ luật sư công. Trường hợp cần thiết phải kéo dài thời gian thí điểm, Chính phủ sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền và trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Do đó, đề nghị Quốc hội cho giữ phạm vi thí điểm và thời gian thực hiện từ ngày 1/10/2026 đến ngày 30/9/2028 như dự thảo Nghị quyết.

Về phạm vi công việc của luật sư công, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thanh Tùng cho biết dự thảo nghị quyết đã quy định rõ phạm vi nhiệm vụ của luật sư công theo hướng tập trung vào các nhóm công việc trọng tâm, bao gồm: Tư vấn, đại diện và tham gia tố tụng, giải quyết các tranh chấp trong nước và quốc tế; tư vấn pháp lý trong quá trình xây dựng, triển khai các dự án kinh tế - xã hội; tham gia giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài; thực hiện các công việc pháp lý khác theo quy định.

Cùng với đó, dự thảo nghị quyết cũng đã xác định rõ ranh giới chức năng, bảo đảm hoạt động của luật sư công không trùng lặp với hoạt động trợ giúp pháp lý hoặc công tác pháp chế của cơ quan, tổ chức.

Về chế độ chính sách, Bộ trưởng Tư pháp cho biết, quy định về chế độ hỗ trợ hằng tháng kết hợp với bồi dưỡng theo vụ việc là giải pháp mang tính nền tảng nhằm xây dựng đội ngũ luật sư công chuyên nghiệp, ổn định và có chất lượng cao. Chính sách này bám sát định

hướng của cấp có thẩm quyền, đồng thời phù hợp với đặc thù hoạt động nghề nghiệp của luật sư công.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, dự thảo Nghị quyết đã bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định cụ thể việc hỗ trợ hàng tháng đối với luật sư công là người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước để phù hợp với chế độ tiền lương tại doanh nghiệp.

Nguồn: nhandan.vn

ĐẨY MẠNH BỒI DƯỠNG VÀ ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC, KỸ NĂNG SỐ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà vừa ký Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 22/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh bồi dưỡng và đánh giá kiến thức, kỹ năng số đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Chỉ thị nêu rõ, thời gian qua, công tác bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số đối với cán bộ, công chức, viên chức đạt được nhiều kết quả tích cực: Khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản và hướng dẫn đánh giá, xác nhận hoàn thành mức độ phổ cập kỹ năng số được ban hành; một số nền tảng học tập trực tuyến được xây dựng; việc bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số đã cơ bản gắn với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, góp phần nâng cao hiểu biết, tăng cường ứng dụng kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và xây dựng nền kinh tế số, xã hội số và Chính phủ số.

Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng cán bộ, công chức, viên chức chưa chủ động học tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng số phục vụ cho công việc; cán bộ, công chức, viên chức chưa sử dụng tốt các công cụ, nền tảng, dịch vụ số trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thực thi công vụ, dẫn đến năng suất công việc thấp, chưa đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới.

Để chấn chỉnh, khắc phục tình trạng nêu trên và đẩy mạnh việc bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng nề nếp thường xuyên tự học tập, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số của cán bộ, công chức, viên chức, góp phần nâng cao một bước năng suất lao động của cán bộ, công chức, viên chức, đẩy mạnh cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu thực hiện các nội dung sau đây:

Mục tiêu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số của cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm đến hết năm 2026, 100% cán bộ, công chức, viên chức có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng tốt các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.

Bảo đảm từ năm 2027 và các năm tiếp theo, 100% cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số theo chương trình, học liệu cập nhật, sử dụng tốt các nền tảng, các công cụ và dịch vụ số, đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm.

Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cơ quan, đơn vị và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về sự cần thiết học tập, nâng cao và đánh giá kiến thức, kỹ năng số.

Cán bộ, công chức, viên chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý phải gương mẫu, nghiêm túc trong việc học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng số, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng.

Sử dụng nền tảng “Bình dân học vụ số”

Năm 2026: Sử dụng bộ học liệu được ban hành theo Quyết định số 522/QĐ-BGDĐT ngày 10/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổ chức cho cán bộ, công chức, viên chức chủ động, tự học tập, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số; đánh giá, xác nhận cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành học tập.

Năm 2027: Xây dựng, ban hành và đăng tải chương trình, học liệu kiến thức, kỹ năng số để cán bộ, công chức, viên chức chủ động, tự học tập, bồi dưỡng, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm; đánh giá, xác nhận cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành học tập chương trình, học liệu kiến thức, kỹ năng số theo quy định.

Các năm tiếp theo cập nhật và đăng tải chương trình, học liệu để cán bộ, công chức, viên chức chủ động, tự học tập; đánh giá, xác nhận cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành học tập chương trình, học liệu kiến thức, kỹ năng số theo quy định.

Bên cạnh đó, áp dụng Quyết định số 757/QĐ-BKHCN ngày 29/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản và Hướng dẫn đánh giá, xác nhận hoàn thành mức độ phổ cập kỹ năng số, để khảo sát, đánh giá, xác nhận việc hoàn thành học tập chương trình, học liệu kiến thức, kỹ năng số của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Công an đăng tải bộ học liệu được ban hành theo Quyết định số 522/QĐ-BGDĐT ngày 10/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo lên nền tảng "Bình dân học vụ số". Hoàn thành trước ngày 30/4/2026.

Bộ Khoa học và Công nghệ phát triển trợ lý ảo hỗ trợ học tập kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức dựa trên công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên. Hệ thống sử dụng trí tuệ nhân tạo nhằm cá nhân hóa nội dung học, bảo đảm trải nghiệm phù hợp với trình độ và nhu cầu của từng người dùng. Hoàn thành trong năm 2026.

Bộ Công an vận hành và duy trì nền tảng "Bình dân học vụ số", tích hợp với VNeID. Phân quyền và hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sử dụng nền tảng "Bình dân học vụ số" để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại điểm b khoản 2 Chỉ thị này. Hoàn thành trước ngày 31/5/2026. Định kỳ 6 tháng, tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số của các bộ, ngành, địa phương; gửi Bộ Nội vụ để theo dõi, tổng hợp, tham mưu Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Nội vụ theo dõi, tổng hợp, đôn đốc, kiểm tra và tham mưu Thủ tướng Chính phủ thực hiện Chỉ thị theo quy định.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này.

Nguồn: [moha.gov.vn](#)

CÔNG KHAI CÁC BỘ CHẬM TIẾN ĐỘ, CHƯA ĐẠT CHỈ TIÊU CẮT GIẢM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà vừa ký Công văn số 423/TTg-CĐS ngày 19/4/2026 gửi các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ về việc phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh theo yêu cầu của Trung ương. Trong đó, nêu rõ các Bộ còn chậm tiến độ, chưa đạt chỉ tiêu theo yêu cầu đề ra.

Triển khai Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”, Thường trực Chính phủ đã có ý kiến kết luận, chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện rà soát, đề xuất phương án phân cấp thủ tục hành chính cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh để bảo đảm các chỉ tiêu: cấp Bộ chỉ thực hiện không quá 30% tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý, cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của năm 2026 so với năm 2024 và cắt giảm 100% điều kiện kinh doanh không cần thiết; hoàn thiện phương án theo chỉ đạo của các Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách, gửi Bộ Tư pháp trong ngày 20/4/2026.

Một số Bộ còn chậm tiến độ, chưa đạt chỉ tiêu cắt giảm thủ tục hành chính

Theo thông tin từ Bộ Tư pháp, tính đến ngày 18/4/2026, đã có 16/16 Bộ, cơ quan ngang Bộ gửi phương án phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, cắt giảm ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về Bộ Tư pháp. Trong đó, có 03 Bộ đề xuất phương án đạt tất cả các chỉ tiêu theo yêu cầu, gồm các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp. Bên cạnh đó, vẫn còn 03 Bộ, cơ quan ngang Bộ: Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao, Thanh tra Chính phủ chưa có chỉ tiêu nào đạt yêu cầu.

Ngoài ra, một số Bộ có ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện chưa đạt ở một số chỉ tiêu cắt giảm như: Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa đạt tiêu chí yêu cầu cấp Bộ thực hiện không quá 30% thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý.

Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa đạt tiêu chí về cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với 2024.

Các Bộ: Công Thương, Nội vụ, Y tế chưa đạt tiêu chí về cắt giảm 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính so với năm 2024; Bộ Dân tộc và Tôn giáo chưa gửi số liệu tiêu chí này.

Đối với tiêu chí cắt giảm 100% điều kiện kinh doanh không cần thiết, theo thống kê, các Bộ chưa đạt yêu cầu gồm: Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Về tiêu chí cắt giảm tối thiểu 30% ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, một số bộ chưa đạt yêu cầu như: Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Y tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam...

Người đứng đầu các bộ, cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ trong trường hợp không đạt chỉ tiêu, chậm tiến độ

Để thực hiện nghiêm chỉ đạo của Trung ương, Thường trực Chính phủ, bảo đảm triển khai nhanh, hiệu quả, thực chất yêu cầu về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh theo Kết luận số 18-KL/TW, Thông báo số 185/TB-VPCP ngày 14/4/2026, quyết tâm tạo chuyển biến rõ rệt trong thời gian ngắn, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo một số nội dung quan trọng.

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ biểu dương các đồng chí Bộ trưởng các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp đã quyết liệt chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, đề xuất phương án phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện bảo đảm đạt và vượt tất cả các chỉ tiêu được giao theo Kết luận số 18-KL/TW và Thông báo số 185/TB-VPCP.

Các đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ theo lĩnh vực được phân công tiếp tục chỉ đạo các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm trực tiếp, chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát phương án phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo thẩm quyền, thực hiện nghiêm yêu cầu về chỉ tiêu, tiến độ theo Thông báo số 185/TB-VPCP.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của các Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách, các Bộ, cơ quan khẩn trương hoàn thiện phương án phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh, gửi Bộ Tư pháp trước ngày 20/4/2026 và phương án cắt giảm ngành nghề kinh doanh có điều kiện gửi Bộ Tài chính. Phương án gửi Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính phải bảo đảm đạt các chỉ tiêu, yêu cầu theo Kết luận số 18-KL/TW.

Trên cơ sở phương án do các Bộ, cơ quan ngang Bộ gửi, Bộ Tư pháp tổng hợp, đồng thời rà soát độc lập và đề xuất phương án, xây dựng Nghị quyết của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh và Bộ Tài chính tổng hợp, rà soát độc lập và đề xuất phương án, xây dựng Nghị quyết của Chính phủ cắt giảm ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật, hoàn thành trong tháng 4/2026.

Các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thường trực Chính phủ trong trường hợp Bộ, cơ quan ngang Bộ không đạt chỉ tiêu hoặc chậm tiến độ theo yêu cầu của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 185/TB-VPCP và Công văn này.

Nguồn: baohinhphu.vn

ĐƯA HỆ THỐNG ĐIỀU PHỐI GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀO TRIỂN KHAI CHÍNH THỨC, VẬN HÀNH THÔNG SUỐT TRONG THÁNG 4/2026

Phó Thủ tướng Phạm Thị Thanh Trà ký Công điện số 33/CĐ-TTg ngày 23/4/2026 về việc thúc đẩy thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến liên thông, đồng bộ, hiệu quả, không bị gián đoạn; trong đó, giao Bộ Công an khẩn trương hoàn thành Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính, đưa vào triển khai chính thức và vận hành ổn định, thông suốt trong tháng 4/2026.

Công điện gửi Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Ban Chỉ đạo Trung ương) và của Chính phủ về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã theo mô hình tập trung, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đến ngày 22/4/2026, 13/17 Bộ, cơ quan ngang Bộ đã hoàn thành xây dựng, tổ chức tập huấn và đưa vào triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ theo mô hình tập trung.

Tuy nhiên, việc triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung cấp bộ vẫn còn một số hạn chế, bất cập, ảnh hưởng đến việc thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cấp tỉnh, cấp xã cho người dân, doanh nghiệp.

Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của Bộ, ngành, địa phương trong quá trình triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung

Để bảo đảm việc thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến được liên thông, đồng bộ hiệu quả, không bị gián đoạn; đáp ứng yêu cầu của Lãnh đạo Ban Chỉ đạo Trung ương, của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tập trung triển khai ngay một số nhiệm vụ sau:

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, thống nhất với Bộ Công an rà soát, đánh giá lộ trình, mốc thời gian, các giải pháp khả thi triển khai kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh trong việc thực hiện thủ tục hành chính để điều chỉnh các nội dung của Công văn số 5721/BKH-CN-CĐSQG ngày 17/10/2025, Công văn số 7753/BKH-CN-CĐSQG ngày 17/12/2025, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15/5/2026; tiếp tục tổng hợp tình hình thực hiện và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của Bộ, ngành, địa phương trong quá trình triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung để kịp thời hỗ trợ hoặc báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo thẩm quyền.

Đồng thời, khẩn trương trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số và các văn bản quy định, hướng dẫn theo thẩm quyền; nhất là các quy định liên quan đến cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, chức năng, tính năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Hoàn thành trong tháng 6/2026.

Bộ Công an khẩn trương hoàn thành Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính, đưa vào triển khai chính thức và vận hành ổn định, thông suốt trong tháng 4/2026. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia, hoàn thành trước ngày 15/5/2026.

Bên cạnh đó, chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp nghiên cứu, hướng dẫn các địa phương triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh cho đến thời điểm các Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung cấp bộ vận hành ổn định, thông suốt, hoàn thành trong tháng 4/2026.

Hoàn thành việc xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ giải quyết, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an rà soát, tổng hợp, đánh giá các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện thủ tục hành chính tại các địa phương theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đặc biệt qua sử dụng mô hình hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tập trung cấp bộ. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 10/5/2026.

Các bộ, cơ quan ngang bộ căn cứ lộ trình Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, khẩn trương rà soát, khắc phục các bất cập của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của bộ, cơ quan; công khai 100% các thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến triển khai tập trung trên Hệ thống để thực hiện toàn quốc, bảo đảm việc thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công của người dân, doanh nghiệp liên thông, đồng bộ, hiệu quả, không bị gián đoạn; hoàn thành việc xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP để phục vụ giải quyết, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ dựa trên dữ liệu.

Đồng thời, chủ trì, phối hợp với địa phương trong việc xây dựng, cấu hình quy trình giải quyết, phân quyền tài khoản cán bộ đầu mối của địa phương; bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật chuyên ngành và thẩm quyền của chính quyền địa phương tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo nguyên tắc: *việc thực hiện tập trung không làm ảnh hưởng đến thẩm quyền của địa phương trong việc ban hành các quy định, chính sách đã được trung ương phân cấp, phân định thẩm quyền hoặc quy định, chính sách đặc thù để phục vụ phát triển kinh tế xã hội, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.*

Bên cạnh đó, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung theo lộ trình, bảo đảm việc giải quyết thủ tục hành chính có liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị phải được liên thông, đồng bộ, không bị gián đoạn, nhất là thủ tục hành

chính liên thông, liên quan, hoặc có sự tham gia, phối hợp của nhiều cơ quan trong giải quyết thủ tục hành chính.

Ngoài ra, chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, hoàn thiện các chức năng, tính năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung, nhất là chức năng số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Kho dữ liệu điện tử của cá nhân, tổ chức, bảo đảm việc cung cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử theo quy định.

Thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, việc tiếp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện cấu hình quy trình giải quyết, phân quyền tài khoản cán bộ thực hiện giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị tại địa phương trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ, ngành; bảo đảm phù hợp với quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương và các quy định của trung ương về phân cấp, phân quyền. Hoàn thành theo lộ trình triển khai các thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến tập trung của Bộ, ngành.

Đối với các thủ tục hành chính đặc thù hoặc chưa được cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo mô hình tập trung, tiếp tục duy trì, vận hành, nâng cấp (nếu cần) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh để tiếp nhận, xử lý hồ sơ của tổ chức, cá nhân và tích hợp cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm việc thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến của người dân, doanh nghiệp liên tục, đồng bộ, hiệu quả.

Tổ chức thực hiện hiệu quả các thủ tục hành chính đã được phân cấp, phân quyền; thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, bảo đảm việc tiếp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Thủ tướng Chính phủ đề nghị các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dành thời gian quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc hoàn thành các nhiệm vụ nêu trên, bảo đảm việc thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp được liên thông, đồng bộ, hiệu quả, không bị gián đoạn.

Nguồn: baochinhpvu.vn

GỖ “NÚT THẮT” PHÁP LÝ BẰNG CUỘC TỔNG RÀ SOÁT TOÀN DIỆN

Thay mặt Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thanh Tùng, Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo đã ký Hướng dẫn số 06/HD-BCĐ tổ chức thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm về kết quả tổng rà soát

Cuộc tổng rà soát lần này không chỉ dừng lại ở các con số thống kê đơn thuần mà đặt mục tiêu đánh giá toàn diện thực trạng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Kết quả rà soát sẽ là cơ sở để đề xuất các giải pháp xử lý tổng thể, phục vụ xây dựng hệ thống pháp luật minh bạch, dễ tiếp cận, bảo đảm quyền con người và thúc đẩy phát triển bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới. Đặc biệt, dữ liệu này còn cung cấp thông tin quý báu cho việc nghiên cứu sửa đổi Hiến pháp năm 2013.

Việc thực hiện rà soát phải bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và hoàn thiện pháp luật, đặc biệt là các định hướng lớn như phát triển kinh tế “2 con số”, đổi mới mô hình chính quyền 3 cấp, thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế; đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về rà soát văn bản quy phạm pháp luật, nhất là theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương phải trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả rà soát.

Rà soát toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật tính đến hết ngày 31/10/2026, trừ Hiến pháp

Phạm vi rà soát là toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực (trừ Hiến pháp) và cả những văn bản đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực, tính đến hết ngày 31/10/2026. Đặc biệt lưu ý, các văn bản cũ không còn hình thức theo luật mới nhưng vẫn còn hiệu lực (như thông tư liên tịch trước đây) vẫn phải rà soát.

Trong tổ chức thực hiện, việc phân công trách nhiệm được quy định rất cụ thể. Bộ, cơ quan ngang Bộ chịu trách nhiệm rà soát các văn bản do mình ban hành hoặc chủ trì soạn thảo; đồng thời rà soát cả những văn bản liên quan đến lĩnh vực mình quản lý trong trường hợp cơ quan chủ trì không còn. Các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ rà soát theo lĩnh vực phụ trách, còn tổ chức pháp chế đóng vai trò điều phối, đôn đốc.

Tương tự, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước cũng thực hiện rà soát trong phạm vi văn bản của mình. Các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam... đều có trách nhiệm rà soát.

Ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm rà soát toàn bộ văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành. Ủy ban nhân dân cấp xã cũng phải rà soát cả văn bản của mình và cả văn bản cấp huyện trước khi sắp xếp tổ chức.

6 tiêu chí của tổng rà soát

Một nội dung kỹ thuật nhưng rất quan trọng được hướng dẫn là việc xây dựng kế hoạch thực hiện. Kế hoạch thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có các nội dung cơ bản, gồm: Mục đích, yêu cầu xây dựng Kế hoạch; đối tượng, phạm vi tổng rà soát của cơ quan; nội dung, tiến độ công việc; kinh phí, các điều kiện bảo đảm; tổ chức thực hiện. Trong đó, nội dung, tiến độ công việc cần xác định rõ trách nhiệm thực hiện (chủ trì, phối hợp), thời gian, tiến độ, sản phẩm hoàn thành công việc.

Trong quá trình triển khai, bước đầu tiên là các cơ quan cần xác định đầy đủ, chính xác các văn bản thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát của cơ quan mình. Các cơ quan phải cập nhật liên tục tình trạng hiệu lực của văn bản, kể cả những văn bản mới ban hành.

Tiếp theo là sử dụng các kết quả rà soát trước đây, như hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023, các danh mục văn bản hết hiệu lực; tổng hợp các kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật đã thực hiện như kết quả rà soát, xử lý văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; kết quả rà soát, hoàn thiện pháp luật thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; kết quả rà soát, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” do quy định pháp luật (thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị)...

Cốt lõi của quá trình rà soát nằm ở 6 tiêu chí lớn: Từ sự phù hợp với chủ trương của Đảng, tính hợp hiến - hợp pháp, tính tương thích với các điều ước quốc tế, đến việc cắt giảm thủ tục hành chính, phát hiện điểm nghẽn và nhận diện các nội dung, lĩnh vực, vấn đề chưa có quy định pháp luật điều chỉnh.

Kết quả rà soát phải được tổng hợp, báo cáo trên hệ thống phần mềm của Bộ Tư pháp, bảo đảm tính thống nhất, minh bạch và thuận tiện theo dõi. Thời hạn cũng được ấn định rõ: Báo cáo tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống VBQPPL gửi về Bộ Tư pháp trước ngày 10/7/2026 (số liệu cập nhật đến hết ngày 30/6/2026); Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (Báo cáo chính thức) gửi về Bộ Tư pháp trước ngày 10/11/2026 (số liệu cập nhật đến hết ngày 31/10/2026).

Nguồn: baochinhpvu.vn

KHẨN TRƯƠNG, NGHIÊM TÚC THÁO GỠ “ĐIỂM NGHẼN” TRONG HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Chủ trì họp về tình hình triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật diễn ra chiều 21/4/2026, tại Trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu khẳng định rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật là công việc hệ trọng, cần được tiến hành khẩn trương, nghiêm túc. Trước mắt, phải tháo gỡ được các “điểm nghẽn” để góp phần tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh trong tiến trình phát triển của quốc gia.

Báo cáo tại buổi làm việc, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Tịnh cho biết, theo Quyết định số 05/QĐ-BCĐ về Kế hoạch triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các nhiệm vụ cần triển khai, hoàn thành của Ban Chỉ đạo, Chính phủ, Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo, Ủy viên Ban Chỉ đạo gồm 3 nhóm chủ yếu.

Thứ nhất, tổ chức tập huấn, hướng dẫn thực hiện trong tháng 4/2026. Thứ hai, tập trung phục vụ xây dựng Báo cáo của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tình hình triển khai (Báo cáo kết quả sơ bộ - Báo cáo lần 1) trong tháng 7, 8/2026. Thứ ba, phục vụ xây dựng Báo cáo của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả chính thức (Báo cáo kết quả chính thức - Báo cáo lần 2) từ tháng 9 đến tháng 12/2026.

Đối với các hoạt động do bộ, ngành, địa phương thực hiện, cần rà soát, xây dựng Báo cáo tình hình triển khai, kết quả theo đúng tiến độ. Theo đó, báo cáo tình hình sơ bộ trước ngày 10/7/2026; Báo cáo chính thức trước ngày 10/11/2026. Đồng thời, tổ chức các hội nghị tập huấn, hướng dẫn và các công việc liên quan khác...

Sau khi nghe báo cáo và ý kiến đóng góp của các bộ, cơ quan, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu đánh giá Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo và bộ, ngành đã tích cực thực hiện các công việc có tính chất hành chính và có những kế hoạch, hướng dẫn rất cụ thể.

Cơ bản đồng ý với các đề xuất của Bộ Tư pháp, Phó Thủ tướng yêu cầu Bộ tiếp tục phát huy vai trò Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo; đôn đốc các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện tổng rà soát đúng theo kế hoạch, yêu cầu và lộ trình đã đề ra; kịp thời báo cáo với Ban Chỉ đạo, Trưởng ban, Phó Trưởng ban những vấn đề vượt thẩm quyền.

Cùng với đó, Bộ Tư pháp chủ động phối hợp với Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan khảo sát, đánh giá kết quả rà soát văn bản đối với các đối tượng chịu sự tác động; tổ chức khảo sát ở một số địa phương, doanh nghiệp (bao gồm cả Nhà nước và tư nhân) để bám sát thực tiễn; chú trọng lấy ý kiến thông qua Công pháp luật quốc gia, Cổng thông tin điện tử của Chính phủ.

Bộ Tài chính chủ trì phối hợp để bổ sung ngân sách bảo đảm thực hiện nhiệm vụ đề ra trên tinh thần tiết kiệm, chi đúng, đủ theo quy định, hướng dẫn chi cụ thể, dễ hiểu, dễ áp dụng, định mức rõ ràng.

Bộ Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao và các bộ liên quan khẩn trương thực hiện nhiệm vụ trong kế hoạch và công điện của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, Bộ Khoa học và Công nghệ khẩn trương triển khai ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ rà soát hiệu quả.

Về nhân sự thực hiện và trách nhiệm người đứng đầu, Phó Thủ tướng Chính phủ yêu cầu huy động cán bộ có năng lực, trình độ, kinh nghiệm; gắn trách nhiệm người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương vào kết quả thực hiện.

Nguồn: [nhandan.vn](#)

KHAI TRƯƠNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ PHÁP LUẬT (PHIÊN BẢN MỚI)

Sáng ngày 23/4/2026, tại Bộ Tư pháp, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu dự Lễ Khai trương Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (phiên bản mới), Hệ thống thông tin hỗ trợ

tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật và Hội nghị tập huấn, triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Phiên bản mới: Tái cấu trúc toàn diện, giá trị công nghệ nằm ở sự thụ hưởng

Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương và các nghị quyết của Chính phủ, thời gian qua, Bộ Tư pháp đã tập trung nguồn lực, triển khai hạ tầng số và các hệ thống dữ liệu cốt lõi.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật được xây dựng thống nhất, dùng chung trên toàn quốc nhằm cung cấp chính xác, kịp thời văn bản phục vụ nhu cầu quản lý nhà nước, phổ biến pháp luật, nghiên cứu, tìm hiểu, áp dụng và thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Sau hơn một thập kỷ vận hành và không ngừng hoàn thiện (từ năm 2015), hệ thống tiếp tục được nâng cấp lên phiên bản mới với năng lực xử lý và khai thác dữ liệu chuẩn hóa, khoa học hơn, từng bước đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác khai thác, tra cứu văn bản quy phạm pháp luật trên môi trường số.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (phiên bản mới) được tái cấu trúc toàn diện, quản lý chi tiết đến từng điều, khoản, điểm. Đặc biệt, toàn bộ dữ liệu hiện nay được thể hiện theo đúng chuẩn ngôn ngữ chung của các hệ thống pháp luật tiên tiến thế giới, giúp hệ thống không chỉ là kho lưu trữ, mà còn có khả năng kết nối liên thông với các nền tảng số khác. Nhờ đó, nội dung văn bản được chuyên thành “dữ liệu có cấu trúc”, cho phép hệ thống máy đọc, hiểu và xử lý tự động.

Việc tái cấu trúc và chuẩn hóa dữ liệu lần này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh toàn hệ thống chính trị đang triển khai Tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên phạm vi toàn quốc, với khối lượng văn bản lớn, phạm vi rộng với yêu cầu độ chính xác cao.

Qua đó, phiên bản mới này giúp cá nhân, tổ chức tra cứu văn bản quy phạm pháp luật được trực quan, có chiều sâu và liên kết đa chiều, cũng như sự thay đổi của quy định theo thời gian, bảo đảm tính minh bạch, công khai của hệ thống pháp luật Việt Nam; giúp cơ quan nhà nước quản lý hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, hỗ trợ công tác soạn thảo, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản, phổ biến giáo dục pháp luật và nhiều hoạt động tổ chức thi hành pháp luật khác.

Trong giai đoạn tới, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật được định hình là nền tảng tri thức pháp lý số mang tính dẫn dắt, xác định 5 trụ cột chiến lược: (1) Hoàn thiện chu trình số hóa toàn diện vòng đời văn bản pháp luật; (2) Phát triển hệ sinh thái kết nối và chia sẻ dữ liệu pháp lý liên thông; (3) Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phân tích và cảnh báo pháp lý; (4) Hình thành nền tảng dữ liệu lớn về pháp luật quốc gia; (5) kiến tạo tri thức pháp luật số phục vụ toàn xã hội.

Từ ngày 23/4/2026, Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (phiên bản mới) được vận hành chính thức tại địa chỉ: <https://vbpl.vn/>

Đồng bộ các giải pháp thúc đẩy rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Bên cạnh đó, hệ thống thông tin hỗ trợ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm chuyên mục tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng pháp luật quốc gia và Phần mềm hỗ trợ kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

Trong đó, chuyên mục tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng pháp luật quốc gia hỗ trợ các cơ quan, đơn vị dễ dàng tiếp cận thông tin, hiểu rõ mục tiêu, yêu cầu và phương thức thực hiện một cách kịp thời - thống nhất - chính xác.

Phần mềm hỗ trợ kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật - một giải pháp chuyển đổi số toàn diện góp phần hoàn thiện Nền tảng số pháp luật Việt Nam giúp chuẩn hóa quy trình nhập liệu theo hệ thống biểu mẫu thống nhất; dễ dàng tổng hợp dữ liệu của các cơ quan, đơn vị rà soát; theo dõi tiến độ rà soát theo thời gian thực; kết xuất báo cáo nhanh chóng, chính xác; bảo đảm tính thống nhất của kết quả tổng rà soát trên toàn quốc.

Đối với Hội nghị tập huấn, triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, đây là hoạt động có ý nghĩa quan trọng, nhằm quán triệt, tuyên truyền, hướng dẫn đầy đủ, toàn diện ý nghĩa, yêu cầu, cách thức, phương pháp thực hiện. Từ đó, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong chỉ đạo, triển khai kịp thời, hiệu quả, chất lượng, đồng bộ, khoa học nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Nguồn: baohinhphu.vn

CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH - KHÂU ĐỘT PHÁ TĂNG HIỆU QUẢ QUẢN LÝ DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC

Tiếp nối kết quả đã đạt, năm 2026, Cục Dự trữ Nhà nước đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính. Với nhiều giải pháp mới, ứng dụng công nghệ chuyển đổi số và cách làm linh hoạt, Cục Dự trữ Nhà nước đang từng bước hiện thực hóa mục tiêu cắt giảm thủ tục hành chính, tinh gọn bộ máy..., nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động lĩnh vực dự trữ nhà nước, góp phần xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Đặt các mục tiêu cụ thể

Tại Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026, Cục Dự trữ Nhà nước đặt mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng nguồn lực dự trữ quốc gia, xây dựng lực lượng dự trữ quốc gia đủ mạnh để sẵn sàng, chủ động đáp ứng kịp thời, hiệu quả các mục tiêu dự trữ quốc gia và các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

Cục Dự trữ Nhà nước cũng đề ra mục tiêu tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, đảm bảo triển khai có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình này.

Cục Dự trữ Nhà nước xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm của công tác cải cách hành chính năm 2026. Thông qua đó, Cục chủ động trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai các

hoạt động cải cách hành chính, đồng thời triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính để đạt mục tiêu đề ra tại kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 của đơn vị, Bộ Tài chính, Chính phủ.

Trong công tác cải cách tổ chức bộ máy, Cục Dự trữ Nhà nước tiếp tục rà soát, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực dự trữ quốc gia; xây dựng đội ngũ công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định. Song song với phân cấp quản lý là tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tổ chức thực hiện cải cách hành chính. Kế hoạch triển khai xác định rõ mục tiêu, kết quả đạt được, phân định những nhiệm vụ cụ thể gắn với trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân chủ trì thực hiện.

Cục tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật dự trữ quốc gia; tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của công chức, viên chức, cơ quan, đơn vị; góp phần tích cực trong phòng ngừa và ngăn chặn tham nhũng.

Cùng với đó, Cục Dự trữ Nhà nước đặt mục tiêu đổi mới, hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin ngành Dự trữ Nhà nước, tập trung đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số và chuyển đổi số trong chỉ đạo, điều hành của Cục Dự trữ Nhà nước; xác định ứng dụng công nghệ thông tin là công cụ hữu hiệu hỗ trợ, thúc đẩy cải cách hành chính của Cục Dự trữ Nhà nước.

Triển khai hiệu quả nhóm nhiệm vụ trọng tâm

Để đạt những mục tiêu trên, Cục Dự trữ Nhà nước đã đề ra 7 nhóm nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung triển khai, gồm: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.

Theo đó, trong nhiệm vụ cải cách thể chế, Cục Dự trữ Nhà nước tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế dự trữ quốc gia gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật, xây dựng hệ thống pháp luật đảm bảo tính đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận.

Đơn vị sẽ tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của Cục, kịp thời phát hiện và xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

Về cải cách thủ tục hành chính, Cục sẽ thực hiện thống kê, công bố, cập nhật và công khai thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực dự trữ quốc gia trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính đảm bảo đúng quy định, kịp thời, chính xác và thống nhất.

Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, thay thế hoặc cắt giảm thành phần hồ sơ trong các thủ tục hành chính bằng việc khai thác hoặc sử dụng thông tin tương ứng từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành. Thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, lãnh đạo Cục Dự trữ Nhà nước đề nghị các đơn vị đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành hoạt động dự trữ quốc gia; xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý hàng dự trữ quốc gia, quản lý hệ thống kho dự trữ quốc gia, nghiệp vụ dự trữ quốc gia, quản lý nguồn nhân lực.

Đồng thời, đổi mới phương thức làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo đảm 100% hồ sơ công việc tại Cục Dự trữ Nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

HÀ NỘI ĐẨY MẠNH SỐ HÓA THỦ TỤC BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG

Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 561/QĐ-TTPVHCC ngày 23/4/2026 về việc phê duyệt phương án tái cấu trúc thủ tục hành chính lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.

Theo nội dung Quyết định, 3 thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được tái cấu trúc bao gồm: Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương; đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp; thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp.

Một trong những điểm đột phá của phương án tái cấu trúc lần này là chuyển mạnh từ tư duy “quản lý hồ sơ” sang “quản lý dữ liệu”. Theo đó, các thông tin, giấy tờ đã tồn tại trong các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành sẽ được coi là nguồn dữ liệu đầu vào mặc định.

Cơ quan nhà nước có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng dữ liệu này thay cho việc yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp lại hồ sơ. Nguyên tắc “một lần khai báo” được áp dụng triệt để, góp phần loại bỏ tình trạng trùng lặp giấy tờ - vốn là một trong những rào cản lớn trong cải cách thủ tục hành chính thời gian qua.

Đặc biệt, các biểu mẫu như đơn đăng ký, thông báo... sẽ được điện tử hóa thành E-form. Khi đăng nhập bằng tài khoản định danh điện tử, hệ thống sẽ tự động điền thông tin từ các cơ sở dữ liệu như dân cư, đăng ký doanh nghiệp, giúp tiết kiệm đáng kể thời gian kê khai.

Phương án tái cấu trúc thiết lập quy trình xử lý thủ tục hành chính theo 5 bước hoàn toàn trên môi trường số, bao gồm: Chuẩn bị và số hóa hồ sơ; nộp hồ sơ trực tuyến; tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ; thẩm định, phê duyệt; trả kết quả và lưu trữ.

Trong đó, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đóng vai trò trung tâm, thực hiện tự động nhiều khâu như kiểm tra tính hợp lệ, đối soát dữ liệu, xác thực thông tin và cảnh báo rủi ro. Cán bộ chuyên môn sẽ trực tiếp thẩm định và ký số kết quả trên hệ thống, không cần xử lý song song qua các nền tảng khác.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả dưới dạng điện tử có giá trị pháp lý, gửi trực tiếp tới doanh nghiệp qua Công Dịch vụ công hoặc tài khoản định danh. Trường hợp cần thiết, vẫn có thể trả bản giấy qua dịch vụ bưu chính.

Phương án cũng đặt ra các nguyên tắc nghiêm ngặt đối với cán bộ xử lý hồ sơ. Theo đó, cán bộ không được yêu cầu bổ sung các giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu hoặc đã được số hóa; mọi thao tác xử lý, yêu cầu bổ sung, trả kết quả đều phải thực hiện trên hệ thống để bảo đảm minh bạch và khả năng truy vết.

Đáng chú ý, trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu được phân định rõ: đối với dữ liệu do hệ thống tự động khai thác, trách nhiệm thuộc về đơn vị quản lý cơ sở dữ liệu, không phải cán bộ tiếp nhận. Điều này góp phần giảm áp lực cho cán bộ, đồng thời thúc đẩy việc chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu ở cấp hệ thống.

Một trong những điểm nổi bật của phương án tái cấu trúc là hiệu quả kinh tế rõ rệt. Theo tính toán, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của doanh nghiệp giảm tới khoảng 78% sau khi tái cấu trúc.

Cụ thể, tổng chi phí thực hiện 03 thủ tục trước đây khoảng 31,490,000 đồng/năm thì sau khi tái cấu trúc chỉ còn khoảng 6,930,000 đồng, giúp tiết kiệm hơn 24,560,000 đồng. Các khoản chi phí được cắt giảm chủ yếu đến từ việc giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ, loại bỏ chi phí đi lại, in ấn và giảm thời gian chờ đợi.

Không chỉ tiết kiệm chi phí trực tiếp, phương án còn giúp giảm chi phí cơ hội - yếu tố đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp khi thời gian được rút ngắn, quy trình minh bạch và có thể theo dõi trạng thái hồ sơ theo thời gian thực.

Đối với doanh nghiệp, việc thực hiện thủ tục hành chính mọi lúc, mọi nơi trên môi trường mạng giúp nâng cao tính chủ động, giảm phụ thuộc vào thời gian làm việc hành chính. Kho dữ liệu điện tử cho phép tái sử dụng hồ sơ, tạo thuận lợi cho các giao dịch tiếp theo.

Đối với cơ quan quản lý, việc xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử giúp chuẩn hóa quy trình, giảm sai sót thủ công, đồng thời nâng cao hiệu suất làm việc. Các biểu mẫu, kết quả được chuẩn hóa, ký số và lưu trữ tập trung, góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại.

Đối với bộ phận một cửa, khối lượng công việc trực tiếp tại quầy được giảm đáng kể, cho phép chuyển sang hỗ trợ trực tuyến và chuyên sâu, từ đó nâng cao chất lượng phục vụ và khả năng giải quyết vướng mắc cho người dân.

Để triển khai hiệu quả phương án, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương và các cơ quan, đơn vị liên quan điện tử hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai; tích hợp, kiểm thử cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố, Sở Công thương hoàn thành việc tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo phương án này.

Như vậy, với cách tiếp cận lấy dữ liệu làm trung tâm, ứng dụng công nghệ để tối ưu quy trình, phương án tái cấu trúc lần này được kỳ vọng sẽ tạo ra những chuyển biến thực chất, bền vững trong cải cách hành chính.

Nguồn: hanoimoi.vn

TUYÊN QUANG: ĐỔI MỚI ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ

Đổi mới công tác đánh giá cán bộ không chỉ là yêu cầu cấp thiết trong cải cách hành chính mà còn là “chìa khóa” để nâng cao năng lực thực thi công vụ. Thời gian qua, việc triển khai các quy định mới về đánh giá cán bộ, nhất là thực hiện đánh giá theo từng tháng, từng quý đã tạo ra những chuyển biến tích cực, thực chất, minh bạch, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Chuyển biến tích cực

Trong hoạt động của bộ máy hành chính, đánh giá cán bộ luôn được xác định là khâu quan trọng, có tính quyết định đến chất lượng đội ngũ. Tuy nhiên, thực tế nhiều năm trước đây cho thấy, công tác này ở không ít nơi vẫn còn mang tính hình thức, nể nang, thiếu tiêu chí cụ thể. Việc đánh giá chủ yếu dựa trên nhận xét chung chung, chưa gắn chặt với kết quả, sản phẩm công việc, dẫn đến tình trạng “cào bằng”, khó phân loại chính xác năng lực cán bộ.

Hệ lụy của việc đánh giá chưa thực chất là không phát hiện kịp thời những hạn chế, yếu kém để có giải pháp khắc phục; đồng thời cũng chưa tạo được động lực đủ mạnh để cán bộ phấn đấu, đổi mới trong thực thi nhiệm vụ. Để khắc phục, ngay sau khi sáp nhập đơn vị hành chính và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tỉnh Tuyên Quang đã triển khai các giải pháp đổi mới công tác đánh giá cán bộ, nhằm nâng cao năng lực thực thi công vụ trong tình hình mới.

Nổi bật là Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định 623/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 thiết lập quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng tháng đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Đây là thước đo KPI năng lực thực chất, công khai, minh bạch, áp dụng cho người đứng đầu các đơn vị.

Kết quả giải quyết hồ sơ đúng hạn, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trở thành thước đo quan trọng phản ánh năng lực và tinh thần trách nhiệm của cán bộ. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi tiến độ xử lý công việc giúp quá trình đánh giá trở nên minh bạch, khách quan hơn, hạn chế tối đa yếu tố chủ quan.

Tại Trung tâm phục vụ hành chính công ở nhiều địa phương, việc chấm điểm cán bộ theo từng ngày, từng tuần đã tạo ra áp lực tích cực, buộc mỗi cán bộ phải nâng cao ý thức trách nhiệm, chủ động giải quyết công việc. Những phản ánh, kiến nghị của người dân được ghi nhận, xử lý kịp thời, đồng thời trở thành căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Gắn đánh giá với sử dụng và sàng lọc cán bộ

Đổi mới đánh giá cán bộ không chỉ để biết mà quan trọng hơn là để dùng đúng. Kết quả đánh giá cán bộ được sử dụng làm căn cứ quan trọng trong công tác quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển và bố trí nhân sự. Mới đây, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có văn bản về việc đánh giá, xếp loại định kỳ hằng quý đối với lãnh đạo, quản lý. Tổ chức triển khai thực hiện, nhiều cấp ủy, tổ chức Đảng đã mở rộng đối tượng, không chỉ là cán bộ lãnh đạo quản lý, mà cả cán bộ công chức, viên chức.

Đồng chí Ma Văn Cường, Trưởng Ban Xây dựng Đảng xã Tân Mỹ cho rằng: Triển khai đánh giá cán bộ theo tháng, quý thay vì chỉ đánh giá cuối năm, cách làm này giúp phát hiện sớm những vấn đề phát sinh, kịp thời chấn chỉnh, đồng thời tạo động lực phấn đấu thường xuyên cho cán bộ, công chức. Những cán bộ có năng lực nổi trội, tinh thần trách nhiệm cao, dám nghĩ, dám làm được ghi nhận, tạo điều kiện phát huy. Ngược lại, các trường hợp thiếu trách nhiệm, năng lực hạn chế được chỉ rõ, yêu cầu có lộ trình khắc phục cụ thể. Nếu không có chuyển biến, sẽ bị xem xét điều chuyển, thay thế theo quy định.

Cùng với đó, trách nhiệm của người đứng đầu cũng được đề cao. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị không chỉ trực tiếp tham gia đánh giá mà còn phải chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá của tập thể do mình quản lý. Điều này góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, hạn chế tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

Đồng chí Nguyễn Văn Đình, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ngọc Long cho biết: Công tác đánh giá cán bộ hằng tháng đã giúp phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, quản lý, đặc biệt là giải quyết tốt những việc mới, việc khó, việc chưa có tiền lệ. Trong 14 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, đến nay, địa phương đã hoàn thành 8 chỉ tiêu, trong đó có 3 chỉ tiêu vượt kế hoạch. Đây là những kết quả tích cực thông qua hiệu quả từ việc đánh giá, xếp loại cán bộ theo từng tháng, quý.

Những chuyển biến trong công tác đánh giá, xếp loại cán bộ không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ mà còn củng cố niềm tin của người dân đối với bộ máy hành chính. Khi mỗi cán bộ đều được đặt trong "thước đo" minh bạch, công bằng, trách nhiệm giải trình được đề cao, hiệu quả phục vụ nhân dân cũng được nâng lên rõ rệt.

Nguồn: baotuyenquang.com.vn

QUẢNG NINH: XÁC ĐỊNH "6 RÕ", ĐƯA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ KINH DOANH VÀO THỰC CHẤT

Ngày 17/4/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh tổ chức Hội nghị công bố kết quả các Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số đánh giá năng lực điều hành cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI), Chỉ số năng lực cạnh tranh (CGI) năm 2025 của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Hội nghị là dịp để tỉnh Quảng Ninh đánh giá khách quan, thực chất kết quả cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng quản trị, điều hành; đồng thời, thẳng thắn nhận diện những vấn đề còn tồn tại, làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm và đề ra giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

Phát biểu tại hội nghị, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bùi Văn Khăng biểu dương những sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan Trung ương trên địa bàn đã có nỗ lực để đạt kết quả tốt trong cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng quản trị, điều hành.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhấn mạnh, năm 2025 là năm đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp với nhiều thay đổi lớn. Mặc dù vậy, tỉnh vẫn duy trì đánh giá toàn diện các chỉ số, phản ánh tương đối đầy đủ, khách quan chất lượng cải cách hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh và hiệu quả quản trị chính quyền địa phương.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh yêu cầu, người đứng đầu các sở, ban, ngành, địa phương phải trực tiếp rà soát toàn diện kết quả của cơ quan, đơn vị mình; rà từng chỉ số, soi từng tiêu chí, làm rõ từng điểm nghẽn, từng nội dung còn yếu, xác định nguyên nhân cụ thể. Trên cơ sở đó, khẩn trương xây dựng kế hoạch khắc phục theo đúng tinh thần “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả.

Kế hoạch phải cụ thể, đo lường được, kiểm chứng được; tuyệt đối không làm hình thức, không làm qua loa, không sao chép lẫn nhau. Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm trực tiếp nếu để xảy ra phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, chậm muộn, tồn đọng kéo dài.

Cải cách hành chính phải đi vào thực chất hơn nữa. Không để tình trạng hồ sơ đi lòng vòng, hướng dẫn không rõ, bổ sung nhiều lần, trả lời không rõ quan điểm, đẩy việc từ cơ quan này sang cơ quan khác.

Đẩy mạnh chuyển đổi số thực chất, gắn với nâng cao hiệu quả điều hành. Từ năm 2026, chỉ số thấp, chỉ số chuyển biến chậm thì không thể đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Báo cáo kết quả tại hội nghị, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lê Văn Ánh cho biết, cải cách hành chính tiếp tục giữ được mặt bằng chất lượng cao, với chỉ số PAR INDEX đạt bình quân 85,53%; trong đó 22/80 đơn vị xếp loại xuất sắc, 40 đơn vị xếp loại tốt.

Đáng chú ý, cấp xã lần đầu triển khai đánh giá toàn diện nhưng đạt 85,87 điểm, cho thấy sự chủ động, thích ứng nhanh với mô hình tổ chức mới. Chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp tiếp tục được cải thiện rõ nét.

Chỉ số SIPAS đạt 95,73%, duy trì ở mức rất cao; qua đó phản ánh sự chuyển biến tích cực về tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ và chất lượng giải quyết công việc của các cơ quan, đơn vị.

Hiệu quả quản trị cấp cơ sở có bước tiến rõ rệt. Chỉ số CGI đạt bình quân 93,13%, với 7/8 nội dung đạt trên 90%, nhất là các nội dung về cung ứng dịch vụ công, sự tham gia của người dân và quản trị môi trường, cho thấy chất lượng điều hành ở cơ sở ngày càng đi vào thực chất.

Môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Chỉ số DDCI khởi sở, ngành đạt 79,3 điểm, tăng 3,83 điểm; khởi cơ quan Trung ương đạt 80,86 điểm, tăng 3,61 điểm, thể hiện sự nỗ lực đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp của các cơ quan, đơn vị.

Những kết quả trên là đáng ghi nhận, thể hiện sự nỗ lực, quyết tâm của các cơ quan, sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương trong cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng quản trị.

Việc duy trì tổ chức đánh giá các chỉ số trong năm 2025 không chỉ bảo đảm tính liên tục, xuyên suốt của quá trình theo dõi cải cách hành chính mà còn là cơ sở quan trọng để đánh giá thực chất mức độ đổi mới phương thức quản trị, năng lực điều hành của từng cơ quan, đơn vị trong điều kiện tổ chức bộ máy mới.

Nguồn: [daibieunhandan.vn](#)

BẮC NINH: NHIỀU CHỈ TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM TRONG NHÓM DẪN ĐẦU CẢ NƯỚC

Theo thông tin từ Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Ninh, hiện công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đang tiếp tục được triển khai đồng bộ, toàn diện và đạt nhiều kết quả tích cực trên cả ba trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Đây được xác định là một trong những điểm sáng nổi bật trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời gian qua, với nhiều chỉ tiêu quan trọng nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước.

Trong lĩnh vực hạ tầng số, tỉnh tập trung đầu tư, nâng cấp theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Hiện nay, 100% đơn vị cấp xã trên địa bàn tỉnh đã được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước; 100% dân số được phủ sóng di động. Đây là nền tảng quan trọng để thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số, đồng thời tạo điều kiện để người dân tiếp cận nhanh chóng các tiện ích số trong đời sống hằng ngày.

Cùng với đó, các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được duy trì vận hành ổn định, an toàn, thông suốt. Tỷ lệ văn bản điện tử (trừ văn bản mật) được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng, ký số đạt 100%. Toàn tỉnh hiện duy trì 17 hệ thống thông tin dùng chung cùng hàng chục nghìn tài khoản người dùng, bảo đảm kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cơ sở, góp phần nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành, tiết kiệm thời gian và chi phí hành chính.

Trong cải cách thủ tục hành chính, việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến tiếp tục đạt nhiều kết quả nổi bật. Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến toàn tỉnh đạt 96,18%, xếp thứ 5 toàn quốc. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 92,94%, xếp thứ 5 toàn quốc.

Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính đạt 97,49%, xếp thứ 5 toàn quốc. Đặc biệt, chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của tỉnh đứng thứ 4/34 tỉnh, thành phố, qua đó khẳng định hiệu quả thực chất của chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Đối với phát triển kinh tế số và xã hội số, Bắc Ninh tiếp tục ghi nhận nhiều chuyển biến rõ nét. Toàn tỉnh hiện có hơn 1.000 doanh nghiệp công nghệ số đang hoạt động; gần 3.000 tổ công nghệ số cộng đồng với trên 100 nghìn thành viên tham gia hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số.

Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng được mở rộng, hiện chiếm khoảng 80% tổng số giao dịch trên địa bàn, góp phần hình thành thói quen tiêu dùng số, thúc đẩy thương mại điện tử và xây dựng xã hội số hiện đại.

Những kết quả đạt được cho thấy quyết tâm chính trị cao của tỉnh trong thực hiện chuyển đổi số toàn diện, tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng quản trị và đời sống Nhân dân, hướng tới mục tiêu phát triển nhanh, bền vững trong thời gian tới. Qua đó từng bước khẳng định vị thế của Bắc Ninh là địa phương tiên phong trong xây dựng chính quyền hiện đại, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng hiệu quả.

Nguồn: baobacninhvt.vn

NINH BÌNH: ĐẢM BẢO 100% THỦ TỤC ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP TRỰC TUYẾN TOÀN TỈNH

Tỉnh Ninh Bình ban hành Kế hoạch số 127/KH-UBND cải cách hành chính trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030, xác định đây là “đòn bẩy chiến lược” để nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng phục vụ và niềm tin của người dân, doanh nghiệp.

Cải cách thủ tục hành chính từ nhu cầu thực tiễn, lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm

Kế hoạch khẳng định rõ quan điểm: cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; sự hài lòng của người dân trở thành thước đo chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính. Đây không chỉ là yêu cầu kỹ thuật mà là sự chuyển biến về tư duy quản trị - từ “quản lý” sang “phục vụ”.

Đồng thời, tỉnh đặt mục tiêu xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển và liêm chính.

Cải cách thủ tục hành chính: Bảo đảm 100% thủ tục đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn tỉnh

Trong giai đoạn 2026 - 2027, tỉnh tập trung hoàn thiện thể chế, tổ chức bộ máy và hạ tầng số; bảo đảm 100% văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp được xử lý; 100% cơ quan hành chính hoạt động theo quy định mới; 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình; tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt từ 95% trở lên.

Giai đoạn 2028 - 2030, tỉnh tiếp tục hoàn thiện nền hành chính hiện đại, phát triển chính quyền số, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phấn đấu duy trì mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp từ 95% trở lên; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 85%; các chỉ số cải cách hành chính của tỉnh thuộc nhóm dẫn đầu cả nước.

Cắt giảm, đơn giản hóa, đẩy nhanh giải quyết thủ tục hành chính

Kế hoạch xác định 6 nhóm nhiệm vụ trọng tâm, tạo chuyển biến toàn diện:

Cải cách thể chế: hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, giảm rào cản cho đầu tư, kinh doanh.

Cải cách thủ tục hành chính: cắt giảm, đơn giản hóa mạnh mẽ, đẩy nhanh giải quyết thủ tục không phụ thuộc địa giới hành chính.

Cải cách tổ chức bộ máy: tinh gọn, rõ chức năng, tăng phân cấp, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu.

Cải cách công vụ: quản lý cán bộ theo vị trí việc làm, đánh giá bằng KPI, thu hút nhân tài.

Cải cách tài chính công: tăng tự chủ, minh bạch ngân sách, sử dụng hiệu quả tài sản công.

Phát triển chính quyền số: xây dựng dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”, thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến và điều hành thông minh.

Danh mục nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục cho thấy lộ trình triển khai rõ ràng theo từng năm, từng cơ quan chủ trì, bảo đảm tính khả thi và kiểm soát tiến độ.

Cải cách hành chính: Hiện thực hóa khát vọng phát triển nhanh, bền vững

Kế hoạch nhấn mạnh việc gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả cải cách hành chính, coi đây là tiêu chí quan trọng trong đánh giá, bổ nhiệm cán bộ. Các sở, ngành, địa phương phải xây dựng kế hoạch hằng năm, chủ động kiểm tra, đôn đốc, bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng.

Sở Nội vụ được giao vai trò cơ quan thường trực, theo dõi, đánh giá, công bố chỉ số cải cách hành chính; đồng thời đẩy mạnh truyền thông, nhân rộng mô hình hiệu quả.

Kế hoạch trên chính là cam kết mạnh mẽ của tỉnh Ninh Bình trong việc xây dựng chính quyền phục vụ, hiện đại, minh bạch và gần dân hơn. Với cách tiếp cận đồng bộ, quyết liệt và lấy người dân làm trung tâm, cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030 được kỳ vọng sẽ tạo bước chuyển căn bản, góp phần hiện thực hóa khát vọng phát triển nhanh và bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới.

Nguồn: baohinhphu.vn

THANH HÓA: QUYẾT LIỆT TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chiều ngày 22/4/2026, đồng chí Nguyễn Hồng Phong, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (gọi tắt là Ban Chỉ đạo cấp tỉnh) chủ trì hội nghị triển khai nhiệm vụ quý II/2026.

Theo báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ (Cơ quan Thường trực Tổ giúp việc) kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng 4/2026, tổng số nhiệm vụ được Trung ương giao là 243 nhiệm vụ, đến nay đã hoàn thành 132 nhiệm vụ. Tổng nhiệm vụ Ban Chỉ đạo cấp tỉnh giao là 24 nhiệm vụ, trong đó số nhiệm vụ thường xuyên 16 nhiệm vụ; số nhiệm vụ có thời hạn 8 nhiệm vụ; đến nay số nhiệm vụ đã hoàn thành là 7 nhiệm vụ, gồm 3 nhiệm vụ thường xuyên, 4 nhiệm vụ có thời hạn; số nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn 17 nhiệm vụ.

Đã đưa vào vận hành chính thức Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh; đã tạo lập tài khoản, thống nhất biểu mẫu và hướng dẫn sử dụng và nhập liệu cho 187 cơ quan, đơn vị để sẵn sàng cập nhật, cung cấp dữ liệu về IOC Thanh Hóa; đưa vào kiểm đếm, giám sát thực hiện đối với 107 chỉ tiêu, nhiệm vụ tại 15 phân hệ giám sát trên IOC Thanh Hóa.

Các ngành, đơn vị đã tham mưu hoàn thành 15/15 nhiệm vụ theo kế hoạch cải cách hành chính năm 2026; đã thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm tra công vụ đối với 4 đơn vị: phường Nam Sầm Sơn, phường Quang Trung, xã Nga An và xã Quảng Ngọc. Đã thực hiện rà soát, đề xuất đơn giản hóa thủ tục hành chính 2.199/2.199 thủ tục hành chính (đạt 100%)...

Tại hội nghị, các đại biểu đã tập trung phân tích, làm rõ những khó khăn, hạn chế đó là: Cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực chưa nhiều nên khó khăn trong việc phân tích, đánh giá, mở rộng Trung tâm IOC tỉnh; công tác quản lý, điều hành bằng dữ liệu và khó chia sẻ dữ liệu với đơn vị có liên quan và phục vụ việc cắt giảm thủ tục hành chính; tỷ lệ số hóa các loại hồ sơ, đặc biệt là hồ sơ đất đai, còn thấp so với yêu cầu đề ra...

Phát biểu kết luận hội nghị, đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Nguyễn Hồng Phong ghi nhận những kết quả đạt được trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thời gian qua. Kết quả này khẳng định tinh thần cố gắng, nỗ lực của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Đồng chí cũng đã chỉ rõ một số tồn tại, hạn chế trong việc chậm, muộn triển khai các nhiệm vụ được giao theo các kế hoạch, kết luận của Trung ương và của tỉnh.

Trên cơ sở đó, đồng chí Nguyễn Hồng Phong đề nghị các đơn vị, địa phương nâng cao tinh thần trách nhiệm, triển khai thực hiện nhiệm vụ một cách khoa học, bài bản, trong đó cần bám sát vào các bảng thang đo trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra.

Tiếp tục rà soát nhiệm vụ theo các văn bản của Trung ương, của Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, của Ủy ban nhân dân tỉnh để triển khai thực hiện. Đồng thời, theo dõi, cập nhật tiến độ nhiệm vụ toàn tỉnh lên hệ thống phần mềm Trung ương, đảm bảo tiến độ, đầy đủ dữ liệu, đúng biểu mẫu, đúng thời gian.

Tập trung nguồn lực để chủ động nghiên cứu, tham mưu triển khai các nhiệm vụ đã được Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoàn thành các kế hoạch, chương trình công tác. Tập trung tham mưu hoàn thành các nhiệm vụ cải cách hành chính được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong kế hoạch cải cách hành chính năm 2026. Đồng thời, làm tốt và sớm hoàn

thành công tác số hóa dữ liệu về đất đai; các thủ tục hành chính liên quan về đất đai; việc xây dựng kết nối dữ liệu về dân cư; việc tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chiến lược chuyển đổi số ...

Đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Nguyễn Hồng Phong cũng đề nghị cần tiếp tục tham mưu các cơ chế, chính sách về nguồn nhân lực, đặc biệt là việc bố trí công chức làm nhiệm vụ chuyển đổi số tại cấp xã. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực công nghệ thông tin và chuyển đổi số gắn với nhu cầu thực tiễn. Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, coi đây là yêu cầu xuyên suốt, bắt buộc trong quá trình phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đổi mới phương thức quản lý, điều hành...

Nguồn: baothanhhoa.vn

NGHỆ AN: SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN LÀ THƯỚC ĐO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Cải cách hành chính ở tỉnh Nghệ An đang chuyển mạnh từ “quản lý” sang “phục vụ”, với người dân và doanh nghiệp được đặt ở vị trí trung tâm. Thông qua tinh gọn bộ máy, đẩy mạnh số hóa, nâng cao trách nhiệm công vụ, nhiều thủ tục được rút ngắn thời gian giải quyết, tăng tính minh bạch và thuận tiện, góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

“3 hơn” trong phục vụ người dân

Một buổi sáng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Thành Vinh (Nghệ An) bà Nguyễn Thị Nga đến làm thủ tục chuyển đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Điều khiến bà bất ngờ không phải là kết quả cuối cùng, mà là toàn bộ quá trình thực hiện.

Từ khâu tiếp nhận, cán bộ đã chủ động hướng dẫn chi tiết, kiểm tra hồ sơ đầy đủ và giải đáp thắc mắc tại chỗ. Quy trình được niêm yết công khai, dễ theo dõi; thời gian xử lý rút ngắn; người dân không còn phải đi lại nhiều lần như trước. “Mọi thứ minh bạch, dễ hiểu và nhanh hơn trước rất nhiều”, bà Nguyễn Thị Nga chia sẻ.

Phường Thành Vinh sau sáp nhập có quy mô dân số hơn 123.000 người, thuộc nhóm đông nhất tỉnh. Khối lượng hồ sơ mỗi ngày lớn, tạo áp lực không nhỏ cho bộ máy. Tuy nhiên, chính áp lực đó đã buộc đội ngũ cán bộ phải thay đổi.

Từ chỗ quen với tư duy “quản lý hồ sơ”, cán bộ chuyển sang “phục vụ người dân”. Mỗi quy trình được rà soát, loại bỏ khâu trung gian không cần thiết; mỗi thao tác được chuẩn hóa theo hướng đơn giản, dễ hiểu. Nhờ đó, dù số lượng hồ sơ lớn, tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn vẫn đạt gần như tuyệt đối.

Ông Nguyễn Quý Linh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Thành Vinh cho biết, thực hiện phương châm “3 hơn: Gần dân hơn - Minh bạch hơn - Thuận tiện hơn” đã giúp việc giải quyết thủ tục hành chính chuyển biến rõ rệt. “Chúng tôi công khai,

minh bạch quy trình, rút ngắn thời gian xử lý và tăng cường hướng dẫn ngay từ đầu, để người dân đến là được phục vụ nhanh, rõ và thuận tiện hơn”, ông Nguyễn Quý Linh chia sẻ.

Tại xã Kim Liên, Trung tâm Phục vụ hành chính công được tổ chức bài bản, khoa học. Không gian làm việc được bố trí gọn gàng, các khu chức năng phân chia rõ ràng, tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận dịch vụ.

Ngay từ khu vực sảnh, người dân có thể lấy số thứ tự, tra cứu thông tin thủ tục tại bảng niêm yết hoặc được đoàn viên, thanh niên hướng dẫn trực tiếp. Bên trong, các bàn làm việc được trang bị đầy đủ máy tính kết nối mạng, phần mềm nghiệp vụ, máy scan và các thiết bị hỗ trợ khác. Hệ thống camera giám sát được lắp đặt nhằm đảm bảo tính minh bạch trong quá trình xử lý hồ sơ.

Với đội ngũ cán bộ được phân công theo từng lĩnh vực cụ thể, việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện nhanh chóng, đúng quy trình. Nhiều hồ sơ được thực hiện trực tuyến, tỷ lệ giải quyết đúng hạn đạt 100%. “Người dân đi lại thuận tiện hơn, cơ sở vật chất khang trang, cán bộ thân thiện, nhiệt tình”, anh Nguyễn Văn Trung, một doanh nghiệp, nhận xét.

Tại các địa bàn miền núi, vùng sâu, thách thức lại đến từ điều kiện tiếp cận dịch vụ. Xã Lượng Minh là một ví dụ điển hình. Cách trung tâm tỉnh hơn 200 km, địa bàn rộng, dân cư phân tán, điều kiện hạ tầng còn nhiều hạn chế. Khoảng một nửa người dân chưa sử dụng điện thoại thông minh, trong khi trang thiết bị và nhân lực tại trung tâm hành chính công còn thiếu.

Trong điều kiện đó, việc triển khai dịch vụ công trực tuyến gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, thay vì chờ đợi, chính quyền địa phương đã chủ động tìm giải pháp phù hợp. Kế hoạch “Bình dân học vụ số” được triển khai, các tổ công nghệ số được thành lập đến tận từng bản. Đoàn viên, thanh niên trực tiếp hướng dẫn người dân thao tác nộp hồ sơ trực tuyến, lực lượng công an hỗ trợ cài đặt và sử dụng ứng dụng định danh điện tử.

Đồng bộ giải pháp, nâng tầm chất lượng hành chính công

Từ ngày 01/7/2025, tỉnh Nghệ An chính thức vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Trong tiến trình này, cải cách thủ tục hành chính được xác định là khâu đột phá, gắn trực tiếp với hiệu quả hoạt động của bộ máy.

Quan điểm xuyên suốt được tỉnh xác định rõ: cải cách không chỉ là tinh giản bộ máy, mà cốt lõi là nâng cao chất lượng phục vụ. Nếu người dân vẫn phải chờ đợi, thủ tục vẫn rườm rà thì cải cách chưa đạt mục tiêu.

Một điểm nhấn quan trọng là tăng cường công khai, minh bạch. Tất cả thủ tục được niêm yết đầy đủ về thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết, mức phí, lệ phí. Người dân có thể theo dõi và giám sát toàn bộ quá trình xử lý, qua đó hạn chế tối đa những phiền hà không cần thiết.

Song song với đó là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin. Hồ sơ được tiếp nhận và xử lý trên môi trường điện tử giúp rút ngắn thời gian, giảm chi phí và nâng cao độ chính xác. Hạ tầng dữ liệu được đầu tư đồng bộ, tạo nền tảng cho việc kết nối, liên thông giữa các cơ quan – yếu tố then chốt trong bối cảnh nhiều thủ tục liên quan đến nhiều lĩnh vực.

Đáng chú ý, Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) được đưa vào vận hành như một “bộ não số”, hỗ trợ điều hành và kết nối thông tin giữa các cấp chính quyền. Đây cũng là kênh quan trọng để tăng cường tương tác với người dân, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản lý.

Năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An xác định chủ đề điều hành là “Hành động quyết liệt, siết chặt kỷ cương, tăng cường kiến tạo”, thể hiện quyết tâm tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính.

Trong quý I/2026, các nhiệm vụ do Chính phủ và Thủ tướng giao được triển khai nghiêm túc, cơ bản hoàn thành đúng hạn, không có nhiệm vụ quá hạn. Công tác cải cách hành chính đạt nhiều kết quả tích cực trên các lĩnh vực: thể chế, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, công vụ, tài chính công và xây dựng chính quyền số.

Việc triển khai Đề án 06 được đẩy mạnh với gần 40 văn bản chỉ đạo. Nhiều tiện ích phục vụ người dân đạt kết quả rõ nét: 100% cơ sở y tế sử dụng căn cước công dân thay thẻ bảo hiểm y tế; tỷ lệ chi trả lương hưu qua tài khoản đạt 93,7%; toàn bộ bệnh viện triển khai bệnh án điện tử.

Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến và số hóa hồ sơ tăng mạnh; thủ tục tiếp tục được đơn giản hóa; thời gian giải quyết được rút ngắn. Hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã ngày càng đi vào nề nếp, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Nguồn: tienphong.vn

ĐỒNG NAI: NÂNG TÂM ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, BỨT PHÁ VƯƠN LÊN

Việc sẽ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương là cơ hội vàng để tỉnh Đồng Nai bứt phá mạnh mẽ. Tỉnh ủy Đồng Nai xác định: Cán bộ là chìa khóa để địa phương vươn mình, do đó, lựa chọn khâu đột phá để thực thi là nâng tâm đội ngũ cán bộ.

Với lợi thế là trung tâm công nghiệp lớn, nơi có sân bay Long Thành và các tuyến đường cao tốc đi qua, Đồng Nai đang mang trên vai trọng trách cực tăng trưởng quan trọng mới của đất nước. Tuy nhiên, tiềm năng chỉ có thể trở thành kết quả thực tế khi có những con người đủ tầm để hiện thực hóa.

Lấy sự hài lòng người dân làm thước đo

Phường Trần Biên nằm ở vị trí trung tâm tỉnh Đồng Nai, có dân số gần 200 nghìn người, cho nên lượng thủ tục hành chính phải giải quyết lớn nhất tỉnh. Kể từ ngày đi vào hoạt động theo mô hình mới đến nay, địa phương có tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt hơn 99% tổng số hồ sơ tiếp nhận, xử lý; tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến vượt xa mục tiêu đề ra.

Đồng chí Hồ Văn Nam, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường chia sẻ: “Chúng tôi bố trí, điều chuyển những cán bộ có kinh nghiệm thực hiện nhiệm vụ thủ tục hành chính, tăng cường công chức các phòng chuyên môn khi có

nhieu hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường. Bản thân các đồng chí đứng đầu cấp ủy, chính quyền phường phải luôn sâu sát, kịp thời tháo gỡ những khó khăn”.

Trần Biên còn là địa bàn có hàng loạt dự án trọng điểm đang triển khai và là trung tâm tổ chức các sự kiện quan trọng, do đó việc nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ được thực hiện bằng cách lựa chọn những cán bộ trẻ nổi trội, có tư duy mới và quan trọng nhất là hiệu quả đo đếm được qua thực tiễn thực hiện nhiệm vụ.

Từ hơn 3.100 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi sáp nhập, đến nay Sở Nông nghiệp và Môi trường còn gần 2.800 người. Việc sắp xếp từng ấy con người và tinh giản khoảng 300 công chức, viên chức là một khối lượng công việc lớn, nhưng đơn vị đã thực hiện bảo đảm thời gian, đạt chất lượng. Đồng chí Nguyễn Tuấn Anh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cho biết, trong quá trình sắp xếp, việc lựa chọn nhân sự phải khách quan, công bằng khi đánh giá cán bộ. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, chức năng của tổ chức mới được sắp xếp, để bố trí cán bộ đúng năng lực, sở trường, nâng cao hiệu quả công việc...

Từ ngày 01/7/2025 đến nay, Tỉnh ủy Đồng Nai đã điều động, bổ nhiệm hơn 120 cán bộ lãnh đạo ở các sở, ban, ngành của tỉnh về giữ các chức danh lãnh đạo chủ chốt của cấp xã để thử thách, rèn luyện. Đến nay, nhiều đồng chí đã trưởng thành rõ rệt về kỹ năng xử lý tình huống, sâu sát, nắm bắt tốt hơn tâm tư, nguyện vọng của người dân.

“Cán bộ từ tỉnh về xã được rèn luyện, trải nghiệm thực tiễn, tránh được tình trạng “kinh nghiệm trên giấy tờ”, góp phần khắc phục bệnh hành chính hóa; chuyển từ tư duy quản lý sang tư duy phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đây cũng là bước chuẩn bị nguồn cán bộ kế cận có chất lượng, có tư duy thực tiễn, phù hợp với yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong tình hình mới”, Phó Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai Thái Bảo cho biết.

Theo Giám đốc Sở Nội vụ Đồng Nai Nguyễn Hữu Định, thực tế tại các địa bàn đặc thù có dân số đông, nhiều khu công nghiệp, áp lực công việc đang đè nặng lên đội ngũ cán bộ lãnh đạo địa phương. Thực tế cho thấy còn tình trạng thiếu hụt nhân sự chuyên môn thuộc các chuyên ngành kế toán, y tế, quản lý đất đai; một bộ phận cán bộ còn tâm lý e ngại, chưa “dám nghĩ, dám làm” trước những thay đổi về mô hình tổ chức.

Giải pháp được Đồng Nai tập trung thực hiện là điều hòa và kiện toàn nhân sự. Đến nay, tỉnh đã điều động, biệt phái hàng trăm cán bộ về trực tiếp hỗ trợ xã và tổ chức sát hạch 113 thí sinh để tiếp nhận vào công chức cấp xã.

Cán bộ ngang tầm nhiệm vụ

Đồng chí Thái Bảo, Phó Bí thư Tỉnh ủy chia sẻ, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ của tỉnh đang đặt ra nhiều yêu cầu mới để phù hợp với sự phát triển bứt phá của địa phương và đất nước. Do vậy, vấn đề cấp thiết đối với Đồng Nai là phải tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, bảo đảm vừa có bản lĩnh chính trị vững vàng, trong sáng về đạo đức, vừa có năng lực lãnh đạo, quản trị hiện đại, có tinh thần trách nhiệm và khát vọng cống hiến, đủ khả năng tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ phát

triển không chỉ trong giai đoạn trước mắt mà còn phải đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao hơn khi Đồng Nai trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Để xây dựng đội ngũ cán bộ có uy tín ngang tầm nhiệm vụ, tỉnh Đồng Nai sẽ tập trung vào các nhóm vấn đề là đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng; thu hút, trọng dụng nhân tài; quản trị và đánh giá cán bộ. Một trong những giải pháp đang được tỉnh thực hiện là kiến tạo đội ngũ lãnh đạo cấp xã vững vàng, chuyên nghiệp và tận tâm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Thành Lê Hoàng Sơn cho rằng, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không còn đơn thuần là “người giải quyết thủ tục”, mà phải trở thành nhà quản trị địa bàn, người kiến tạo môi trường phát triển và trung tâm đoàn kết tại cơ sở. Tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa đang diễn ra rất nhanh, mô hình điều hành ở cấp xã nếu chỉ dừng lại ở xử lý công việc hành chính thường nhật sẽ không còn phù hợp. Yêu cầu mới đặt ra là phải chuyển từ tư duy “quản lý hành chính thụ động” sang “quản trị phát triển chủ động”.

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Trần Kim Chung, Thư ký khoa học, Hội đồng Lý luận Trung ương cho rằng, việc tỉnh Đồng Nai trở thành thành phố trực thuộc Trung ương sẽ mang đến nhiều cơ hội phát triển bứt phá, nhưng cũng kèm theo thách thức, đòi hỏi rất cao đối với đội ngũ cán bộ. Do đó, phải nâng tầm công tác cán bộ, nhất là khi trên địa bàn Đồng Nai hiện đã có các công trình mang tầm quốc tế, đặt ra yêu cầu quản lý cao hơn.

Giải pháp đột phá trong công tác cán bộ mà Đồng Nai cần chú trọng là tuyển chọn, định hướng nhân sự với tiêu chí mới, minh bạch, cạnh tranh và kiểm soát quyền lực. Việc phát triển cần dựa trên nền tảng hiệu quả; hiệu quả dựa vào cạnh tranh lành mạnh, bởi vậy phải đặt công tác cán bộ trong môi trường cạnh tranh lành mạnh. Khi tất cả các giải pháp được triển khai đồng bộ, kết quả sẽ là phát triển được một đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có tư duy, tầm nhìn đột phá, dẫn dắt Đồng Nai phát triển nhanh và bền vững.

Nguồn: nhandan.vn

TÂY NINH: ĐỒNG BỘ DỮ LIỆU LIÊN THÔNG LÀ CHÌA KHÓA VẬN HÀNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

Trong tiến trình xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp, tỉnh Tây Ninh xác định đồng bộ, liên thông dữ liệu là yếu tố then chốt để nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành.

Việc kết nối thông tin xuyên suốt giữa các cấp, các ngành không chỉ rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ mà còn cải thiện chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, hướng tới nền hành chính minh bạch, hiện đại.

Thăng thấn nhận diện “điểm nghẽn”

Dù giữ vai trò trọng tâm, song việc triển khai liên thông dữ liệu hiện nay tại các địa phương vẫn bộc lộ một số “điểm nghẽn” cần sớm tháo gỡ. Sự thiếu đồng bộ và kết nối chưa liền mạch giữa các hệ thống, các cấp từ khâu tiếp nhận đến xử lý hồ sơ đang làm ảnh hưởng đến tiến độ xử lý công việc, đòi hỏi các địa phương thăng thấn nhận diện và đề xuất các giải pháp quyết liệt, đồng bộ hơn.

Xã Hảo Đước có 13 ấp với khoảng 32.503 dân, là nơi sinh sống của nhiều dân tộc như Kinh, Mường, Hoa, Khmer.

Theo ông Nguyễn Tiến Hưng, Phó Bí thư Đảng ủy xã, sau sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy cơ bản ổn định, từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ chính trị. Đến giữa tháng 4/2026, thu ngân sách đạt 34,04%; trên 90% người dân tham gia bảo hiểm y tế; tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt 78,94%; địa phương cũng đăng ký phát triển 2 sản phẩm OCOP trong năm 2026.

Tuy nhiên, công tác cải cách hành chính dù đạt kết quả tích cực vẫn còn có “điểm nghẽn.” Quý 1/2026, kết quả đánh giá cung cấp dịch vụ công trực tuyến của xã xếp hạng 47; tuy nhiên thứ hạng theo tuần thường ở mức thấp, cho thấy tính ổn định chưa cao.

Theo ông Nguyễn Tiến Hưng, nguyên nhân chủ yếu do người dân chưa chủ động sử dụng dịch vụ công trực tuyến; quy trình liên thông hồ sơ còn phụ thuộc nhiều cấp, nhiều ngành nên vẫn xảy ra trễ hạn. Bên cạnh đó, hạ tầng thông tin, dữ liệu chưa đồng bộ, còn phát sinh thao tác thủ công, làm tăng thời gian xử lý, dễ sai sót và tạo áp lực cho đội ngũ cán bộ, công chức.

Để khắc phục, Ủy ban nhân dân xã Hảo Đước đề nghị Trung tâm Hành chính công tỉnh và Trung tâm Chuyển đổi số tỉnh hỗ trợ kiểm tra, rà soát quy trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; kiểm tra việc đồng bộ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công Quốc gia; đồng thời xem xét, đối chiếu, điều chỉnh điểm số đánh giá khi phát hiện sai sót.

Xã Hòa Hội có đường biên giới dài 24 km, tiếp giáp các địa phương thuộc tỉnh Svay Rieng (Campuchia), giữ vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Theo bà Nguyễn Thị Thanh Sơn, Bí thư Đảng ủy xã, công tác kiện toàn tổ chức bộ máy được quan tâm, phù hợp với tình hình thực tiễn; việc rà soát, sắp xếp, bố trí cán bộ được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, điều kiện, phát huy năng lực, sở trường của từng cán bộ, công chức; từng bước tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội. Nhờ đó, kinh tế-xã hội tiếp tục phát triển ổn định; sản xuất, kinh doanh, thương mại-dịch vụ được duy trì; các lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, giao thông, chiếu sáng được quan tâm; văn hóa - xã hội có chuyển biến tích cực; giáo dục, y tế, an sinh xã hội được bảo đảm; quốc phòng-an ninh giữ vững.

Về lưu trữ, số hóa, địa phương đã kiểm kê, lưu trữ hồ sơ theo quy định; bước đầu triển khai số hóa nhưng chưa chính lý do thiếu kinh phí. Trong giải quyết thủ tục hành chính và

chuyển đổi số, xã đã niêm yết 306 thủ tục hành chính thuộc 9 lĩnh vực; tổng số hồ sơ 5.578, đã giải quyết 5.436 (3.460 trước hạn, 1.976 đúng hạn, không có hồ sơ trễ hạn). Tuy nhiên, hiện nay xã vẫn còn thiếu 13/44 công chức so với biên chế tạm giao; nhiều vị trí quá tải, bố trí chưa đúng chuyên môn; nhiệm vụ tài chính-kế hoạch còn chông chéo; một đầu mỗi thực hiện nhiều khâu; trụ sở làm việc phân tán.

Địa phương kiến nghị bổ sung 11 biên chế, nhất là lĩnh vực xây dựng, quản lý đất đai; đề nghị giao đơn vị độc lập làm chủ đầu tư các công trình, dự án; đồng thời tăng cường tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho công chức các lĩnh vực liên quan.

Từng bước tháo gỡ

Trước tình trạng thiếu biên chế, cán bộ kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, một số vị trí chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Huỳnh Văn Sơn cho biết trước mắt Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nội vụ chủ trì rà soát tổng thể nhu cầu biên chế của các địa phương; tham mưu phương án bổ sung, điều tiết biên chế phù hợp; khẩn trương hoàn thiện phê duyệt vị trí việc làm; hướng dẫn bố trí, sắp xếp cán bộ bảo đảm đúng chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Đối với những khó khăn trong vận hành hệ thống, hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ, kết quả đánh giá chưa ổn định, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì rà soát, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm; bảo đảm vận hành ổn định, liên thông giữa các hệ thống; hướng dẫn, hỗ trợ địa phương nâng cao hiệu quả ứng dụng chuyển đổi số.

Liên quan đến tình trạng kiến nghị về áp lực văn bản, tiến độ xử lý gấp và thiếu hướng dẫn cụ thể trong triển khai, Ủy ban nhân dân tỉnh giao các sở, ngành khi ban hành văn bản phải bảo đảm rõ nội dung, rõ yêu cầu, có lộ trình thực hiện phù hợp; đồng thời tăng cường hướng dẫn, tập huấn cho địa phương và hạn chế ban hành văn bản dồn dập, thời gian thực hiện ngắn gây khó khăn cho cơ sở.

Cũng theo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, thời gian tới, các địa phương cần tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm.

Trước hết, về công tác lãnh đạo, điều hành, các địa phương tiếp tục quán triệt, triển khai nghiêm túc các nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; rà soát toàn bộ chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2026, xác định rõ nội dung đã đạt, chưa đạt và có nguy cơ không đạt, từ đó xây dựng kế hoạch điều hành cụ thể theo từng tháng, quý, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền phải trực tiếp chỉ đạo, theo dõi và chịu trách nhiệm toàn diện đối với kết quả thực hiện tại địa phương.

Về phát triển kinh tế-xã hội và thu ngân sách, cần tập trung thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; khai thác hiệu quả các nguồn lực tại chỗ. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, khắc phục tình trạng hồ sơ trễ hạn, bảo đảm 100% hồ sơ được giải quyết đúng và trước hạn; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, khai thác hiệu quả các hệ thống phần mềm dùng chung, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ trên môi

trường số; gắn kết quả cải cách hành chính với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân.

Đối với công tác xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, các địa phương tiếp tục kiện toàn theo vị trí việc làm; rà soát, bố trí, sắp xếp cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn; khắc phục tình trạng bố trí chưa đúng chuyên môn, kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ. Đồng thời, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, chú trọng kỹ năng quản lý, điều hành và ứng dụng công nghệ thông tin.

Nguồn: nhandan.vn

CÀN THỜ: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠO ĐỘNG LỰC CHO DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN

Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Cà Mau xác định, năm 2026 là năm hành động đột phá, chuyển từ nền tảng sang kết quả, từ chính sách sang sản phẩm, từ ý tưởng sang giá trị thực tế cho người dân và doanh nghiệp. Trong đó, chú trọng thực hiện thành công “Chuyển đổi số - Cải cách hành chính - Phát triển kinh tế”, đảm bảo sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh nhà.

Điểm sáng cải cách hành chính

Cà Mau là một trong những tỉnh, thành được ghi nhận là điểm sáng trong công tác cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, khi nhiều chỉ số về giải quyết thủ tục trực tuyến, số hoá hồ sơ và kết nối dữ liệu quốc gia nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước. Những kết quả này khẳng định quyết tâm xây dựng nền hành chính hiện đại, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Đặc biệt, tỉnh đã hoàn thiện Cổng Thông tin truy xuất nguồn gốc của tỉnh (<https://txng.camau.gov.vn>) kết nối kỹ thuật với Cổng Thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá quốc gia (<https://truyxuatnguogoc.gov.vn>). Đồng thời, tiếp tục triển khai công nghệ Blockchain trong “Truy xuất nguồn gốc” được tích hợp trên ứng dụng CaMau-G. Việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá tạo điều kiện cho doanh nghiệp dễ dàng tham gia vào chuỗi cung ứng an toàn và xuất khẩu; bảo vệ và nâng cao uy tín thương hiệu, tăng tính cạnh tranh.

Tập trung xây dựng các cơ sở dữ liệu

Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu có ý nghĩa quyết định trong cải cách hành chính tại Cà Mau, trong đó có Dữ liệu về doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và tích hợp, chia sẻ có chọn lọc các dữ liệu sẵn có khác nhằm tạo nền tảng cốt lõi để hiện đại hoá quản lý, giảm 80% thời gian xử lý thủ tục và nâng cao sự hài lòng của doanh nghiệp.

Cụ thể, có 12 đơn vị đang chủ trì xây dựng 41 cơ sở dữ liệu của tỉnh. Trong đó, có 26 cơ sở dữ liệu đã hoàn thành xây dựng, 9 cơ sở dữ liệu đang xây dựng, 6 cơ sở dữ liệu cần xây

dựng mới, 33 cơ sở dữ liệu có hạ tầng lưu trữ đặt tại Trung tâm Dữ liệu tỉnh, 8 cơ sở dữ liệu có sử dụng hạ tầng lưu trữ của đơn vị khác.

Tỉnh cũng đã hoàn thành xây dựng 7/14 cơ sở dữ liệu gồm cơ sở dữ liệu đất đai; cơ sở dữ liệu quan trắc tự động; cơ sở dữ liệu ngành nước đồng bằng sông Cửu Long; cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; cơ sở dữ liệu hợp đồng thuê đất; cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường; cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; 7 cơ sở dữ liệu đang xây dựng gồm cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản; cơ sở dữ liệu về môi trường; cơ sở dữ liệu sản phẩm OCOP; cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn; cơ sở dữ liệu về đo đạc, bản đồ; cơ sở dữ liệu về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám, sản phẩm viễn thám.

Việc xây dựng các cơ sở dữ liệu như cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, đất đai, dân cư giúp số hoá, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu, giúp doanh nghiệp không phải cung cấp lại hồ sơ, giảm gánh nặng tuân thủ pháp luật.

Ứng dụng chuyển đổi số trong hỗ trợ pháp lý

Tỉnh Cà Mau tiếp tục triển khai ứng dụng Chính quyền điện tử tỉnh với tên gọi Công dân Cà Mau số (iCamau), qua đó tích hợp trên 26 ứng dụng, tiện ích hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tương tác, sử dụng dịch vụ số do chính quyền, doanh nghiệp số cung cấp. Đến nay, có trên 46.771 lượt cài đặt và sử dụng. Tỉnh đã thực hiện việc cung cấp dịch vụ công toàn trình đối với 1.016 thủ tục, tất cả đã được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Các hồ sơ được giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến đạt 96,36% ở cấp tỉnh; cấp xã đạt 91,59% không tính ngành dọc.

Đặc biệt, tỉnh còn đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong hỗ trợ pháp lý và tạo môi trường giao dịch trực tuyến, trực tiếp thuận lợi cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Theo đó, việc cải cách thủ tục hành chính gắn với tăng cường các thủ tục hỗ trợ pháp lý cũng hết sức quan trọng. Đến hết tháng 3/2026, trên địa bàn tỉnh có 8.259 doanh nghiệp nhỏ và vừa, chiếm 98,28% tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hoạt động tập trung chủ yếu trong lĩnh vực thương mại, xây dựng, nông nghiệp.

Bà Mã Mỹ Anh, Giám đốc Công ty TNHH Dược phẩm Mỹ Anh, đại diện Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, cho biết, doanh nghiệp không chỉ cần hỗ trợ pháp lý mà cần hệ thống hỗ trợ pháp lý đồng hành lâu dài. Doanh nghiệp đề xuất xây dựng hệ sinh thái pháp lý số, tạo nền tảng tư vấn pháp lý trực tuyến, giúp doanh nghiệp tra cứu nhanh các tình huống pháp lý thường gặp. Để có thể ứng dụng vào thực tiễn, đại diện doanh nghiệp này cho rằng, tỉnh cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hỗ trợ pháp lý; giúp các doanh nghiệp khai thác hiệu quả các nền tảng truyền thông số để nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật.

Nguồn: baocamau.vn

QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VẬN HÀNH MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Quan niệm quản trị địa phương và mối quan hệ với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong bối cảnh chuyển đổi số

Trong khoa học chính trị và hành chính công hiện đại, quản trị địa phương (local governance) đã trở thành một phạm trù trung tâm khi nghiên cứu về tổ chức và vận hành chính quyền ở cấp cơ sở. Theo Ngân hàng Thế giới (World Bank, 2006)(1), quản trị địa phương là “...việc hình thành và thực thi hành động tập thể ở cấp địa phương, bao gồm cả vai trò trực tiếp và gián tiếp của các thể chế chính thức của chính quyền địa phương, cũng như vai trò của các thể chế phi chính thức, gồm các mạng lưới, tổ chức cộng đồng và hiệp hội khu vực, trong việc theo đuổi hành động tập thể, xác định khuôn khổ cho tương tác giữa công dân với nhau và giữa công dân với nhà nước, ra quyết định tập thể và cung cấp dịch vụ công ở địa phương”. Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) nhấn mạnh, quản trị địa phương là “cách thức trực tiếp nhất để người dân tiếp cận các dịch vụ cơ bản, tham gia vào các hoạt động công cộng và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình”(2) (United Nations Development Programme). Tương tự, một cơ quan khác của Liên Hợp Quốc xem quản trị địa phương là “mức độ gần gũi nhất với người dân, điều khiển sự tương tác của chính quyền với công dân, cộng đồng và các bên liên quan khác” (United Nations Department of Economic and Social Affairs, 2015).

Trong khoa học hành chính hiện đại, quản trị địa phương (local governance) là hệ thống cơ chế, thể chế và tiến trình mà qua đó nhà nước, khu vực tư, xã hội dân sự và công dân cùng tham gia kiến tạo, thực thi, giám sát chính sách công tại một lãnh thổ nhất định.

Theo Giáo sư, Tiến sĩ Vũ Công Giao thì quản trị địa phương “là quá trình ra quyết định và thực thi chính sách công ở cấp địa phương, được thực hiện thông qua sự phối hợp giữa các cơ quan chính quyền địa phương, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng và các bên liên quan khác, nhằm cung cấp dịch vụ công hiệu quả, thúc đẩy sự phát triển ổn định, thịnh vượng và bền vững của địa phương”(3).

Đối với Việt Nam, trong tiến trình đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, vấn đề xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đang đặt ra cấp thiết trong bối cảnh thực hiện chủ trương nhập tỉnh, nhập xã, xóa bỏ cấp huyện. Việc này không chỉ là sự thay đổi về mặt tổ chức hành chính mà còn là một bước ngoặt lớn trong nhận thức và thực hành quản trị địa phương - một nội dung cốt lõi của quản trị quốc gia hiện đại.

Quản trị địa phương không còn giới hạn trong khuôn khổ của quản lý nhà nước truyền thống, mà đã và đang mở rộng theo hướng đa trung tâm, đề cao tính hợp tác, minh bạch, trách

nhiệm giải trình và sự tham gia của xã hội. Trong mô hình 02 cấp (cấp tỉnh và cấp cơ sở), việc làm rõ đặc điểm, yêu cầu, các chủ thể, nội dung và phương thức quản trị ở mỗi cấp là cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để thiết kế mô hình chính quyền địa phương phù hợp, hiệu quả và bền vững.

Vì vậy, quản trị địa phương là quá trình tổ chức, điều hành và kiểm soát các hoạt động quản lý công ở phạm vi một địa phương nhằm hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm lợi ích công cộng và sự tham gia của người dân, doanh nghiệp. Đây là quá trình tổng hợp bao gồm hoạch định chính sách, tổ chức thực thi, giám sát và phản hồi, với sự tham gia của cả chính quyền, khu vực tư nhân và cộng đồng dân cư.

Từ nền tảng lý luận, quản trị địa phương được xây dựng trên một số nguyên tắc cơ bản được khẳng định rộng rãi trong các nghiên cứu và báo cáo quốc tế.(4)

Thứ nhất, nguyên tắc phân quyền và tự quản, theo đó địa phương cần được trao quyền và trách nhiệm giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội phù hợp bối cảnh cụ thể.

Thứ hai, nguyên tắc dân chủ và sự tham gia, nhấn mạnh quyền tham gia của công dân vào toàn bộ chu trình chính sách, từ hoạch định, thực thi đến giám sát.

Thứ ba, nguyên tắc minh bạch và trách nhiệm giải trình, yêu cầu chính quyền phải công khai thông tin và chịu sự giám sát xã hội.

Thứ tư, nguyên tắc hiệu quả và hiệu lực, nhấn mạnh tính mục tiêu và chi phí - lợi ích trong hoạt động chính sách, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Thứ năm, nguyên tắc công bằng và bền vững, bảo đảm quyền lợi của mọi nhóm xã hội, đặc biệt là nhóm yếu thế, đồng thời duy trì sự phát triển bao trùm và lâu dài.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, các nguyên tắc này được mở rộng thành chuẩn mực của chính quyền số: công khai dữ liệu, giải trình trực tuyến, dịch vụ công lấy người dân làm trung tâm và bảo đảm công bằng trong tiếp cận công nghệ. Chính quyền số không chỉ đơn thuần là sự kế thừa của chính phủ điện tử, mà là một mô hình mới - nơi toàn bộ hoạt động chính quyền được vận hành trên nền tảng dữ liệu và công nghệ số, cung cấp dịch vụ công dựa trên nhu cầu, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

Ba giá trị nổi bật của chính quyền số ở cấp địa phương có thể kể đến là: (i) minh bạch hóa quản trị, thông qua dữ liệu mở và các kênh giám sát trực tuyến; (ii) nâng cao hiệu quả và chất lượng dịch vụ công, với các dịch vụ trực tuyến mức độ 4, hệ thống một cửa điện tử và cơ sở dữ liệu liên thông; (iii) tăng cường sự tham gia xã hội, nhờ các nền tảng phản ánh, tham vấn chính sách trực tuyến và công cụ tương tác số. Tuy nhiên, cùng với cơ hội, chính quyền số cũng đặt ra những thách thức mới, đặc biệt là yêu cầu nâng cao năng lực số cho đội ngũ công chức và bảo đảm quyền tiếp cận công nghệ cho mọi công dân. Nếu không, “bất bình đẳng số” sẽ làm gia tăng khoảng cách xã hội và làm suy yếu tính dân chủ, công bằng trong quản trị địa phương.

Đặt trong bối cảnh Việt Nam, việc tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (tỉnh - cơ sở) gắn liền với chuyển đổi số thể hiện một bước đi cải cách thể chế có tính bước ngoặt. Ở cấp tỉnh, chính quyền giữ vai trò kiến trúc sư thể chế và điều phối vùng, với nhiệm vụ hoạch định chính sách, phân bổ ngân sách, điều hành dữ liệu liên thông, bảo đảm hạ tầng số

và điều tiết phát triển cân bằng giữa các khu vực. Ở cấp cơ sở, chính quyền trở thành “đơn vị phục vụ trực tiếp”, gắn bó mật thiết với người dân, chịu trách nhiệm cung ứng dịch vụ công số và phản ánh kịp thời nhu cầu từ cộng đồng. Việc loại bỏ cấp huyện như một tầng nấc trung gian vừa tinh giản bộ máy, vừa kết hợp với công nghệ số để rút ngắn thủ tục, tăng cường sự tham gia trực tiếp của công dân qua nền tảng trực tuyến. Như vậy, mô hình 02 cấp trong kỷ nguyên số không chỉ là sự thay đổi tổ chức hành chính, mà là sự hình thành một hệ sinh thái quản trị địa phương mới: mở, minh bạch, dữ liệu hóa và lấy công dân làm trung tâm.

Có thể thấy, quan niệm quản trị địa phương trong bối cảnh chuyển đổi số mang ý nghĩa vượt ra ngoài phạm vi quản lý hành chính truyền thống. Nó khẳng định vai trò đồng kiến tạo của nhiều tác nhân, đặt nền tảng cho việc xây dựng một nền chính quyền số dân chủ, minh bạch, hiệu quả. Khi gắn với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp ở Việt Nam, quản trị địa phương trở thành chìa khóa để vừa tinh gọn bộ máy, vừa bảo đảm tính tham gia, công bằng và bền vững trong quản trị. Đây là bước ngoặt quan trọng, mở ra triển vọng xây dựng một nền quản trị địa phương hiện đại, thích ứng với kỷ nguyên số và hội nhập quốc tế.

2. Cơ hội và thách thức quản trị địa phương đối với vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số

2.1. Cơ hội

Thứ nhất, tinh gọn bộ máy, giảm chi phí hành chính và nâng cao hiệu quả quản trị. Việc loại bỏ cấp huyện giúp xóa bỏ một tầng nấc trung gian vốn tồn tại nhiều bất cập, tạo ra sự rườm rà, tốn kém và kéo dài quá trình ra quyết định. Trong bối cảnh số hóa, tinh gọn bộ máy không đồng nghĩa với thu hẹp khả năng phục vụ mà ngược lại, tăng cường hiệu quả thông qua tự động hóa và tích hợp dữ liệu. Theo cải cách này giúp “rút ngắn quy trình, giảm độ trễ chính sách và tạo động lực cho chính quyền địa phương hoạt động theo nguyên tắc hiệu quả - minh bạch thay vì nặng về hình thức hành chính”(5).

Thứ hai, tăng cường phân quyền, phân cấp và phát huy tự chủ địa phương. Mô hình chính quyền 02 cấp phù hợp với lý thuyết quản trị đa trung tâm (polycentric governance) đó là sự tồn tại song song của nhiều trung tâm ra quyết định tự chủ nhưng có sự phối hợp hiệu quả. Khi trao nhiều thẩm quyền hơn cho tỉnh và xã, các quyết định được đưa ra gần dân hơn, phù hợp hơn với nhu cầu thực tiễn và tăng tính phản ứng chính sách. Dữ liệu mở và công nghệ số trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực để địa phương sáng tạo trong hoạch định chính sách. Điều này cho thấy, phân quyền gắn với chuyển đổi số có thể tạo ra những “chính quyền sáng tạo” (innovative governments) ở cấp địa phương.

Thứ ba, gắn kết trực tiếp với người dân và nâng cao tính tham gia xã hội. Một ưu điểm nổi bật của mô hình chính quyền 02 cấp là cấp xã trở thành đơn vị trực tiếp cung ứng dịch vụ công và kết nối với người dân. Khi kết hợp với công nghệ số, chức năng này được mở rộng mạnh mẽ thông qua các cổng dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng phản ánh hiện trường, hay kênh tham vấn chính sách trên mạng xã hội. Những nền tảng số hóa này đã giúp nhiều địa phương ở Việt Nam giảm thiểu khiếu kiện, đồng thời mở ra không gian để người dân trở thành đồng kiến tạo chính sách, đúng tinh thần quản trị lấy công dân làm trung tâm.

Thứ tư, nâng cao chất lượng và hiệu quả dịch vụ công trực tuyến. Chuyển đổi số làm thay đổi căn bản cách thức cung ứng dịch vụ công: từ trực tiếp sang trực tuyến, từ giấy tờ thủ công sang xử lý điện tử, từ thụ động sang chủ động. Cấp tỉnh chịu trách nhiệm phát triển hạ tầng và cơ sở dữ liệu, còn cấp xã trực tiếp cung ứng cho công dân. Điều này không chỉ tiết kiệm chi phí và thời gian cho người dân, mà còn góp phần nâng cao sự hài lòng, yếu tố then chốt củng cố tính chính danh của chính quyền địa phương.

Thứ năm, thúc đẩy minh bạch, trách nhiệm giải trình và phòng chống tham nhũng. Minh bạch dữ liệu là cốt lõi của chính quyền số. Công khai ngân sách, quy hoạch, đất đai trên cổng dữ liệu mở và giám sát trực tuyến quy trình hành chính sẽ buộc chính quyền địa phương phải nâng cao trách nhiệm giải trình. Có thể nói việc minh bạch hóa dữ liệu là công cụ hiệu quả nhất để giảm thiểu tham nhũng trong khu vực công. Ở Việt Nam, nhiều địa phương đã áp dụng cơ chế công khai trực tuyến kết quả giải quyết thủ tục hành chính, qua đó giảm thiểu “chi phí không chính thức”, đồng thời tăng niềm tin xã hội vào tính liêm chính của chính quyền.

Thứ sáu, thúc đẩy hợp tác công - tư và phát triển kinh tế số địa phương. Chuyển đổi số trong quản trị địa phương không thể thành công nếu chỉ dựa vào ngân sách công. Mô hình chính quyền 02 cấp mở ra không gian cho các đối tác công - tư (PPP), đặc biệt trong lĩnh vực hạ tầng số, đô thị thông minh, dịch vụ công trực tuyến. Hợp tác công - tư là giải pháp tối ưu để vừa giảm gánh nặng tài chính, vừa tận dụng trí tuệ và sáng tạo từ khu vực tư. Đồng thời, dữ liệu mở và nền tảng số tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, phát triển dịch vụ sáng tạo, góp phần thúc đẩy kinh tế số địa phương.

Thứ bảy, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hiện đại hóa quản trị quốc gia. Mô hình chính quyền 02 cấp trong kỷ nguyên số không chỉ cải cách bộ máy hành chính, mà còn góp phần hiện thực hóa mục tiêu chiến lược mà Đại hội XIII của Đảng đề ra: xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện đại, dân chủ, phục vụ nhân dân. Mô hình này làm rõ hơn quan hệ giữa trung ương và địa phương, giữa nhà nước và công dân, qua đó củng cố niềm tin xã hội và nâng cao năng lực quản trị quốc gia.

2.2. Thách thức

Bên cạnh những cơ hội to lớn, thực tiễn vận hành mô hình chính quyền 02 cấp trong bối cảnh chuyển đổi số cũng đặt ra nhiều thách thức đối với quản trị địa phương.

Thứ nhất, thách thức về thể chế pháp lý chưa đồng bộ, nguy cơ chồng chéo. Dù Hiến pháp 2013 (sửa đổi năm 2025) và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 đã xác định mô hình chính quyền 02 cấp, nhưng các luật chuyên ngành vẫn phần lớn được thiết kế trên cơ sở 03 cấp. Điều này tạo ra khoảng trống pháp lý, khiến địa phương khó phát huy quyền tự chủ. Đặc biệt, các quy định về quản lý và chia sẻ dữ liệu số, bảo mật thông tin cá nhân chưa đầy đủ, trong khi đây là nền tảng của chính quyền số. Trong khi đó, một mô hình quản trị địa phương 02 cấp hiệu quả cần vừa bảo đảm sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo chung của cấp tỉnh, vừa phát huy tính năng động, sáng tạo và tự chủ của cấp cơ sở. Điều này

đòi hỏi cần cải cách thể chế sâu rộng, hiện đại hóa công cụ quản trị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong toàn hệ thống chính quyền địa phương.

Thứ hai, thách thức về năng lực và chất lượng nguồn nhân lực. Trong giai đoạn đầu triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, năng lực cán bộ cấp xã chưa đáp ứng được yêu cầu khi phải đảm nhận thêm các nhiệm vụ phức tạp trước đây thuộc cấp huyện, thậm chí có nhiệm vụ phân cấp từ cấp tỉnh. Đồng thời, trong bối cảnh chuyển đổi số đòi hỏi cán bộ không chỉ nắm vững pháp luật, mà còn phải có kỹ năng số, khả năng phân tích dữ liệu và thích ứng với môi trường quản trị mới. Tuy nhiên, có thể thấy rằng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã vẫn còn hạn chế trong đáp ứng yêu cầu cơ bản về công nghệ thông tin. Đây là nguy cơ dẫn đến tình trạng “chính quyền điện tử hình thức”, khi số hóa chỉ dừng ở bề mặt mà không thay đổi bản chất quản trị. Yếu tố quyết định không nằm ở hạ tầng công nghệ, mà là ở “năng lực và tư duy số” của đội ngũ cán bộ địa phương.

Thứ ba, thách thức từ khoảng cách số giữa các vùng miền. Việt Nam đang đối mặt với sự bất bình đẳng số rõ rệt. Sự chênh lệch điểm số đáng kể giữa các tỉnh, phản ánh nguy cơ phân hóa sâu sắc trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia, nơi một số tỉnh dẫn đầu có mức độ phát triển cao trong khi các tỉnh khác còn tụt hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu chung của nền kinh tế số. Điều này dẫn đến tình trạng một số địa phương có thể vận hành chính quyền số hiện đại, trong khi nhiều nơi khác vẫn loay hoay với thủ tục giấy tờ. Khoảng cách số này không chỉ làm giảm hiệu quả quản trị, mà còn đe dọa nguyên tắc công bằng - bền vững trong quản trị địa phương.

Thứ tư, nguy cơ hành chính hóa chuyển đổi số. Một rủi ro nội tại là các địa phương chỉ chú trọng vào việc “số hóa quy trình” nhưng không thay đổi cách thức ra quyết định và quan hệ với công dân. Mặc dù nhiều địa phương báo cáo tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cao, nhưng người dân vẫn ít sử dụng do thủ tục phức tạp, giao diện khó tiếp cận và yêu cầu xác thực rườm rà. Có thể nói, thách thức lớn nhất của quản trị số không phải là công nghệ, mà là “sự thay đổi văn hóa quản trị - từ mệnh lệnh hành chính sang phục vụ công dân”.

Thứ năm, thách thức về cơ chế giám sát và kiểm soát quyền lực. Khi bỏ cấp huyện, vấn đề đặt ra là giám sát thế nào để tránh lạm quyền ở cấp xã. Cơ chế giám sát hiện nay chủ yếu dựa vào Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Mặt trận Tổ quốc, nhưng hạn chế về khoảng cách và nguồn lực khiến việc này khó hiệu quả. Các công cụ số có thể hỗ trợ, song hành lang pháp lý về bằng chứng điện tử, bảo mật dữ liệu và xử lý khiếu nại chưa hoàn thiện. Việc thiếu cơ chế giám sát sẽ khiến nguy cơ “tập trung quyền lực số” còn nghiêm trọng hơn so với mô hình truyền thống.

Thứ sáu, thách thức về tài chính và nguồn lực đầu tư. Chuyển đổi số đòi hỏi nguồn lực tài chính lớn, nhưng ngân sách địa phương, nhất là miền núi và vùng khó khăn còn hạn hẹp. Sự thiếu hụt này khiến tiến độ triển khai không đồng đều, làm gia tăng khoảng cách số. Đồng thời, nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất tại cấp xã còn hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng cung cấp dịch vụ công chất lượng.

3. Một số giải pháp đẩy mạnh quản trị địa phương đối với vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số.

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế pháp luật và bảo đảm tính đồng bộ trong phân quyền - phân cấp

Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) cùng với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 đã mở đường cho việc tái cấu trúc hệ thống chính quyền theo hướng tinh gọn và phân định rành mạch hơn quyền hạn, trách nhiệm giữa các cấp chính quyền. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều luật chuyên ngành vẫn còn chứa đựng những quy định hàm ý vai trò trung gian của cấp huyện. Khi chuyển sang mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, các quy định này trở thành rào cản pháp lý, dễ dẫn đến tình trạng “một cỗ hai trùng” trong quá trình điều hành và triển khai chính sách. Để khắc phục tình trạng trên, Nhà nước cần khẩn trương rà soát, sửa đổi và đồng bộ hóa toàn bộ hệ thống pháp luật nhằm loại bỏ những chông chéo, bất cập, đồng thời trao quyền tự chủ mạnh mẽ hơn cho chính quyền cấp tỉnh và cấp xã trong việc hoạch định chính sách, phân bổ nguồn lực và quản lý ngân sách. Song song với việc trao quyền, cần thiết lập các cơ chế kiểm soát quyền lực hiện đại dựa trên công nghệ số, ví dụ như công khai toàn bộ dữ liệu ngân sách, quy hoạch, quyết định đầu tư lên cổng dữ liệu mở để cộng đồng và báo chí giám sát. Chỉ khi trách nhiệm giải trình được thiết lập một cách công khai và có sự tham gia của xã hội, quá trình phân quyền mới thực sự hiệu quả và tránh được nguy cơ “phân quyền hình thức”.

Thứ hai, cần tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp ở Việt Nam theo hướng phân biệt rõ giữa đô thị và nông thôn, trên cơ sở điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản trị công của từng khu vực

Việc phân cấp, phân quyền không nên cứng nhắc mà cần dựa trên đặc thù từng địa phương. Trung ương có thể ban hành một khung pháp lý chung, nhưng tạo không gian linh hoạt để tỉnh, thành phố vận dụng theo mô hình “chính quyền địa phương theo loại hình đô thị và nông thôn”. Qua đó, mỗi cấp chính quyền có thể điều chỉnh cơ cấu tổ chức và phạm vi quyền hạn phù hợp với năng lực quản lý cũng như nhu cầu phát triển của xã, phường, thị trấn.

Ở khu vực đô thị, nhất là các thành phố lớn, nên tăng quyền cho phường trong những lĩnh vực gắn trực tiếp với đời sống dân cư như quy hoạch, trật tự xây dựng, quản lý tài chính công, môi trường đô thị và dịch vụ công. Các đô thị đặc biệt như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh có thể nghiên cứu mô hình “phường tự chủ”, trong đó phường có ngân sách linh hoạt và được quyết định các dự án đầu tư quy mô nhỏ.

Ở khu vực nông thôn, trọng tâm đặt vào việc nâng cao năng lực quản trị cơ sở, hoàn thiện thể chế hỗ trợ, đầu tư hạ tầng thiết yếu và tăng cường sự hỗ trợ kỹ thuật từ cấp tỉnh. Với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, có thể áp dụng cơ chế phân quyền đơn giản hơn nhằm giảm thủ tục, nhưng đi kèm với giám sát chặt chẽ và cơ chế kết nối thông tin hiệu quả với chính quyền cấp trên.

Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực số và chuyển đổi tư duy quản trị

Một trong những yếu tố then chốt quyết định thành bại của mô hình hai cấp trong bối cảnh chuyển đổi số là năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức địa phương. Nếu coi hạ tầng số là “xương sống” thì con người chính là “trái tim” của quản trị số. Do đó, giải pháp cấp thiết là triển khai chuẩn hóa và tái đào tạo nhân lực với các kỹ năng số cơ bản nhưng đồng thời mở rộng sang kỹ năng nâng cao như phân tích dữ liệu, bảo mật thông tin và quản trị hệ thống số. Ngoài ra, cần xây dựng chương trình bồi dưỡng chuyên sâu về quản trị số cho đội ngũ lãnh đạo địa phương, bởi vì “chuyển đổi số trong quản trị địa phương không thể chỉ dừng ở việc trang bị công nghệ, mà quan trọng hơn là thay đổi tư duy và năng lực quản trị của con người”.

Thứ tư, tiếp tục đầu tư hạ tầng số và xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung

Chính quyền số không thể hình thành nếu thiếu hạ tầng số hiện đại và cơ sở dữ liệu đồng bộ. Giải pháp trọng tâm là phải coi hạ tầng số như một dạng hạ tầng thiết yếu, tương tự điện, nước, giao thông. Nhà nước cần ưu tiên đầu tư mở rộng viễn thông tốc độ cao đến tận cấp xã, đồng thời phát triển các cơ sở dữ liệu dùng chung về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, ngân sách. Những cơ sở dữ liệu này phải được liên thông theo trục dọc giữa trung ương - tỉnh - xã và trục ngang giữa các lĩnh vực, nhằm bảo đảm “một dữ liệu, nhiều mục đích”. Bên cạnh đó, việc xây dựng trung tâm điều hành thông minh (IOC) ở cấp tỉnh kết nối với hệ thống giám sát ở cơ sở sẽ giúp nâng cao năng lực dự báo, giám sát và phản ứng chính sách. Đồng thời, đầu tư hạ tầng số cần đi đôi với đảm bảo an ninh mạng, quyền riêng tư công dân theo chuẩn quốc tế, bởi niềm tin vào việc bảo mật dữ liệu cá nhân chính là nền tảng để người dân chấp nhận và đồng hành cùng quản trị số.

Thứ năm, thúc đẩy sự tham gia của người dân, tổ chức xã hội và doanh nghiệp

Một trong những nguyên tắc cốt lõi của quản trị hiện đại là tăng cường sự tham gia thực chất của xã hội. Mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, với cấp xã là “cấp gần dân nhất”, càng đòi hỏi phải có sự gắn kết chặt chẽ giữa chính quyền và cộng đồng. Giải pháp cần triển khai là xây dựng các kênh tham vấn trực tuyến để người dân có thể dễ dàng tham gia góp ý về quy hoạch, ngân sách, dự án phát triển. Cùng với đó, việc mở rộng dữ liệu mở cho báo chí, tổ chức xã hội và cộng đồng truy cập sẽ tạo ra cơ chế giám sát xã hội mạnh mẽ, giúp phòng ngừa tham nhũng và lạm quyền. Trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công, cần khuyến khích doanh nghiệp tham gia thông qua đối tác công - tư (PPP), nhất là trong các lĩnh vực công nghệ số, giáo dục và y tế.

Thứ sáu, hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá quản trị địa phương

Ở nước ta hiện nay, để đánh giá chất lượng quản trị địa phương, các địa phương thường sử dụng các bộ tiêu chí đánh giá: Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số cải cách hành chính công (PAR Index); Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS). Tuy nhiên, sử dụng các bộ tiêu chí đánh giá này khá phức tạp, đồng thời thiếu các tiêu chí đánh giá về yêu cầu và nội dung của quản trị địa phương, như: Đảm bảo tính pháp quyền, dân chủ trong quản trị địa phương; Phân cấp, phân quyền trong quản trị địa phương; Thu hút sự tham gia của các tổ chức, cá nhân vào quản trị

địa phương; Huy động và sử dụng các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; Hiệu lực, hiệu quả quản trị của chính quyền địa phương;... Vì vậy, cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá quản trị địa phương cụ thể như tính chủ động, tự chủ của các cấp chính quyền (cấp tỉnh, cấp xã) trong quản trị địa phương; mức độ dân chủ, sự tham gia của người dân trong quản trị địa phương; Sự minh bạch và trách nhiệm báo cáo giải trình của chính quyền địa phương trong quản trị địa phương;...

Thứ bảy, xây dựng văn hóa quản trị số và củng cố niềm tin nhân dân

Cuối cùng, đó là việc xây dựng văn hóa quản trị số và niềm tin nhân dân. Đó là cách thức mà chính quyền thiết kế dịch vụ công lấy người dân làm trung tâm; cách thức người dân tương tác, giám sát và phản hồi với chính quyền; và cách xã hội bảo đảm công bằng, bao trùm trong thụ hưởng thành quả của chuyển đổi số. Giải pháp đặt ra là cần đẩy mạnh truyền thông và nâng cao nhận thức để người dân hiểu rõ lợi ích và tầm quan trọng của dịch vụ công trực tuyến. Các dịch vụ cần được thiết kế thân thiện, dễ sử dụng, chú trọng đến nhóm yếu thế như người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số. Có thể nói, thành công của mô hình chính quyền 02 cấp trong kỷ nguyên số không chỉ đo bằng số lượng dịch vụ công trực tuyến, mà quan trọng hơn là mức độ hài lòng và niềm tin của người dân.

Quản trị địa phương đối với chính quyền địa phương 02 cấp trong bối cảnh chuyển đổi số không chỉ là cách thức tổ chức bộ máy chính quyền địa phương mà là sự kiến tạo hệ thống quản trị mới đó là hiệu lực, hiệu quả, minh bạch và lấy người dân làm trung tâm. Tuy nhiên, Việt Nam đang đối diện với nhiều thách thức như khoảng cách số giữa các vùng miền, hạn chế về năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức và sự thiếu đồng bộ về mặt thể chế... Điều đó, đòi hỏi Nhà nước phải tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển nhân lực số, đầu tư hạ tầng cơ sở và tăng cường sự tham gia của nhân dân... một cách đồng bộ và hiệu quả để đẩy mạnh quản trị địa phương ở Việt Nam trong bối cảnh mới hiện nay.

Tiến sĩ Lê Anh Tuấn - Viện trưởng Viện Khoa học Tổ chức nhà nước và Lao động, Bộ Nội vụ

Thạc sĩ Trần Ngọc Kiên - Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động, Bộ Nội vụ

Ghi chú:

(1) Anwar Shal (2006), *Local Governance in Developing Countries*, Washington, DC: The World Bank.

(2) UNDP, <https://www.undp.org/publications/decentralised-governance-development-combined-practice-note>.

(3), (4) GS.TS Vũ Công Giao, *Một số vấn đề lý luận về quản trị địa phương*, Hội thảo khoa học “Cơ sở lý luận và thực tiễn về quản trị địa phương”, Viện Khoa học Tổ chức nhà nước và Lao động, Bộ Nội vụ, 2025.

(5) PGS.TS Trần Thị Diệu Oanh, *Quản trị địa phương theo mô hình chính quyền hai cấp ở Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Cơ sở lý luận và thực tiễn về quản trị địa phương”, Viện Khoa học Tổ chức nhà nước và Lao động, Bộ Nội vụ, 2025.

TỪ CHÍNH SÁCH THUẾ XĂNG DẦU ĐẾN TƯ DUY QUẢN TRỊ MỚI

Vừa qua, việc Quốc hội thông qua chủ trương giảm, miễn một số loại thuế liên quan đến xăng dầu và đặc biệt là ủy quyền cho Chính phủ chủ động điều hành trong quá trình thực hiện, là một quyết định có ý nghĩa vượt ra ngoài phạm vi của một chính sách tài khóa thông thường.

Trong bối cảnh giá năng lượng thế giới biến động nhanh và khó dự báo, nếu chỉ áp dụng một mức thuế cố định trong một khoảng thời gian dài, chính sách khó có thể theo kịp diễn biến của thị trường. Việc trao quyền linh hoạt cho Chính phủ - cho phép điều chỉnh thời điểm, mức độ và thời hạn áp dụng- đã tạo ra một cơ chế vận hành phù hợp hơn với thực tiễn.

Nhìn ở góc độ đó, đây không chỉ là một giải pháp nhằm ổn định giá xăng dầu hay hỗ trợ nền kinh tế, mà còn là một bước chuyển quan trọng trong tư duy hoạch định chính sách: *từ chính sách cố định sang chính sách thích ứng.*

Một quyết sách - một thông điệp lớn về cách làm chính sách

Điều đáng chú ý trong quyết định này không nằm ở việc giảm thuế- vốn đã từng được áp dụng trong những giai đoạn khó khăn trước đây- mà ở cách thức thiết kế chính sách.

Lần này, Quốc hội không “đóng khung” chính sách bằng các quy định chi tiết, mà lựa chọn cách tiếp cận khác: xác lập nguyên tắc và trao quyền điều hành linh hoạt cho Chính phủ. Sự phân vai này phản ánh một nhận thức ngày càng rõ hơn về đặc trưng của môi trường phát triển hiện nay: phải linh hoạt, phản ứng kịp thời với biến động nhanh, phức tạp và khó dự báo.

Trong một thế giới như vậy, chính sách không thể được thiết kế như một cấu trúc cố định, bởi ngay khi được ban hành, những giả định ban đầu có thể đã thay đổi. Do đó, điều rất quan trọng là cách thức chính sách được vận hành.

Ở đây, việc ủy quyền không đơn thuần là phân cấp, mà là trao cho cơ quan điều hành khả năng phản ứng theo thời gian thực. Điều đó giúp rút ngắn độ trễ giữa biến động của thị trường và điều chỉnh của chính sách- một yếu tố ngày càng có ý nghĩa quyết định.

Vấn đề không nằm ở xăng dầu, mà ở cách chính sách theo kịp thực tiễn

Nếu nhìn rộng hơn, xăng dầu chỉ là một ví dụ. Thách thức mà chính sách xăng dầu đang đối diện cũng chính là thách thức chung của nhiều lĩnh vực khác.

Trong nền kinh tế số, các mô hình kinh doanh mới xuất hiện nhanh hơn khả năng hoàn thiện khung pháp lý. Trong lĩnh vực công nghệ, trí tuệ nhân tạo đang phát triển với tốc độ vượt xa chu kỳ xây dựng chính sách truyền thống. Trong thương mại và logistics, những biến động của thị trường quốc tế có thể thay đổi trong thời gian rất ngắn.

Điểm chung của những lĩnh vực này là *thực tiễn đang đi nhanh hơn chính sách.*

Trong khi đó, quy trình xây dựng và điều chỉnh chính sách thường đòi hỏi thời gian dài; chính sách được thiết kế theo hướng "đóng", khó thay đổi; và trong nhiều trường hợp, khoảng cách giữa hoạch định và thực thi vẫn còn khá lớn. Điều này dẫn đến một nghịch lý là chính sách được xây dựng để dẫn dắt thực tiễn, nhưng trong không ít trường hợp lại phải chạy theo thực tiễn.

Và khi khoảng cách đó kéo dài, chi phí không chỉ là hiệu quả chính sách bị suy giảm, mà còn là cơ hội phát triển bị bỏ lỡ.

Từ chính sách thích ứng đến Chính phủ thích ứng

Những thách thức nêu trên cho thấy, vấn đề không còn là hoàn thiện thêm một vài công cụ, mà là cần một cách tiếp cận mới đối với hoạch định chính sách.

Cốt lõi của cách tiếp cận này là chuyển từ tư duy “chính sách tĩnh” sang tư duy “chính sách động”, và xa hơn, là xây dựng một *Chính phủ có khả năng thích ứng cao*. Như phát biểu nhậm chức của Thủ tướng Lê Minh Hưng: Điều hành bằng tư duy quản trị hiện đại, chủ động, linh hoạt trong mọi tình huống.

Trước hết, chính sách cần được thiết kế theo hướng mở và linh hoạt. Thay vì cố gắng hoàn thiện mọi chi tiết ngay từ đầu, chính sách nên xác lập các nguyên tắc, mục tiêu và giới hạn, đồng thời tạo dư địa để điều chỉnh trong quá trình thực hiện. Những cơ chế như quy định khung, ủy quyền có kiểm soát, hay điều khoản áp dụng trong tình huống đặc biệt cần được sử dụng nhiều hơn.

Thứ hai, cần thiết lập cơ chế phản hồi chính sách theo thời gian thực. Trong môi trường biến động nhanh, chính sách không thể chỉ dựa vào các báo cáo định kỳ, mà phải liên tục cập nhật thông tin từ thị trường, từ doanh nghiệp và người dân. Khi thông tin được thu thập và xử lý kịp thời, việc điều chỉnh chính sách sẽ trở nên nhanh hơn và chính xác hơn.

Thứ ba, cần thể chế hóa cơ chế thử nghiệm chính sách trong những lĩnh vực mới. Thay vì chờ đợi một khuôn khổ pháp lý hoàn chỉnh, việc cho phép thử nghiệm trong phạm vi kiểm soát sẽ giúp vừa giảm rủi ro, vừa thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Đây là cách nhiều quốc gia đã áp dụng thành công trong các lĩnh vực như công nghệ tài chính hay năng lượng.

Thứ tư, phải đẩy mạnh xây dựng Nhà nước dữ liệu. Khi dữ liệu được kết nối, chia sẻ và phân tích theo thời gian thực, Chính phủ có thể nhận diện sớm các vấn đề, dự báo xu hướng và điều chỉnh chính sách kịp thời. Chuyển đổi số, vì vậy, không chỉ là câu chuyện công nghệ, mà là nền tảng của năng lực hoạch định chính sách hiện đại.

Thứ năm, cần đặt chuỗi thực thi vào vị trí trung tâm. Chính sách chỉ thực sự có giá trị khi được triển khai hiệu quả. Do đó, việc làm rõ trách nhiệm, tăng cường phân cấp gắn với kiểm soát quyền lực, và áp dụng các công cụ đo lường kết quả là những yếu tố then chốt.

Những định hướng này không chỉ phù hợp với yêu cầu thực tiễn, mà còn thống nhất với tinh thần chỉ đạo của Đảng và Chính phủ về nâng cao năng lực tổ chức thực thi, xây dựng bộ máy hiệu lực, hiệu quả, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

Một yêu cầu mới đối với năng lực điều hành

Trong bối cảnh mới, năng lực điều hành không còn được đo bằng số lượng chính sách được ban hành, mà bằng khả năng làm cho chính sách phát huy hiệu quả trong thực tiễn.

Yêu cầu “nhanh, kịp thời nhưng kỹ lưỡng, hiệu quả” mà Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng đã nhấn mạnh không chỉ áp dụng cho từng quyết định cụ thể, mà cần được nâng lên thành một nguyên tắc vận hành của toàn bộ hệ thống.

Điều đó đòi hỏi Chính phủ không chỉ “đúng về chủ trương”, mà còn phải *nhanh trong phản ứng, linh hoạt trong điều chỉnh và quyết liệt trong thực thi*.

Từ một quyết sách đến một triết lý quản trị

Quyết định về chính sách thuế xăng dầu cho thấy một hướng đi đáng chú ý: thay vì cố gắng kiểm soát mọi biến động bằng những quy định cứng, hệ thống chính sách đang từng bước được thiết kế để *thích ứng với biến động*. Đây không chỉ là một giải pháp tình thế, mà có thể trở thành một nguyên tắc quan trọng trong quản trị quốc gia hiện đại.

Trong một thế giới không thể dự báo đầy đủ, lợi thế thuộc về những quốc gia có khả năng làm cho chính sách thích ứng nhanh hơn với thực tiễn. Và trong nghĩa đó, đổi mới hoạch định chính sách không chỉ là một yêu cầu kỹ thuật, mà là một bước chuyển trong tư duy quản trị - một yếu tố có thể tạo nên lợi thế cạnh tranh chiến lược của quốc gia trong kỷ nguyên mới. Nhưng mọi chính sách đều phải hướng đến mục tiêu phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng - nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

Nguồn: baochinhhphu.vn

CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC TRONG CÔNG NGHIỆP VĂN HOÁ VIỆT NAM

Chuyển đổi số sẽ tạo ra nguồn dữ liệu quý báu và những tính năng ưu việt từ công nghệ số để phát triển các ngành công nghiệp văn hoá. Công cuộc chuyển đổi số này cần được khai thác hiệu quả để doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá nội địa vững chân tại thị trường Việt Nam cũng như vươn xa ra thế giới. Trong đó, kinh tế nền tảng là một thành tố quan trọng.

Những viên gạch đầu tiên

Nhiều bạn bè quốc tế quan tâm tới văn hoá Việt Nam nhưng chưa dễ tiếp cận với các sản phẩm của công nghiệp văn hoá nước ta. Theo các chuyên gia đã có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về công nghiệp văn hoá Hàn Quốc và những quốc gia khác, để phát triển công

nghiệp văn hoá Việt Nam thì đầu tiên phải dựa trên nội dung. Tiếp đến, cần có hoạt động chuyển đổi số để đạt tới bước tiến vượt bậc, cuối cùng dựa trên kinh tế nền tảng để đưa sản phẩm đến với người thưởng thức trong và ngoài nước.

Tới thời điểm này, những viên gạch đầu tiên để tạo dựng một nền móng phù hợp cho nền công nghiệp văn hoá của Việt Nam đã được đặt xuống. Mới đây nhất, Chính phủ đã có Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (Đề án 611), trong đó, nêu rõ quan điểm, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá là đột phá quan trọng hàng đầu để mở rộng không gian sáng tạo, là động lực chính để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất...

Đề án cũng đặt ra mục tiêu, đến năm 2030, phấn đấu 100% lĩnh vực văn hóa có nền tảng số dùng chung; 100% các loại hình di sản văn hóa đã số hóa được chuẩn hóa dữ liệu theo khung chuẩn quốc gia và chia sẻ theo quy định; 80% di sản văn hóa số công có mã định danh số để xác lập quyền sở hữu, kiểm soát khai thác...; ít nhất 70% bảo tàng, thư viện, nhà hát, đoàn nghệ thuật, liên đoàn thể thao, khu du lịch, cơ quan báo chí và doanh nghiệp nội dung số có dữ liệu chia sẻ, kết nối với hạ tầng dữ liệu dùng chung...

Luật sư Nguyễn Hưng Quang, chuyên gia tư vấn xây dựng các quy định về công nghiệp văn hoá trong Luật Thủ đô 2024, nhận định, Đề án 611 thể hiện quyết tâm rất lớn của Chính phủ nhằm thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt (Nghị quyết 80), cũng như thực thi Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hoá Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 (Chiến lược 2486).

Để đạt được những mục tiêu đặt ra trong gần 4 năm tới (đến năm 2030), khối lượng công việc có thể nói là rất lớn, đòi hỏi sự tập trung nguồn lực tài chính, thể chế và con người.

“Nếu như chúng ta đạt được các chỉ tiêu này hoặc ít nhất là được 2/3 của các chỉ tiêu này thì cũng thúc đẩy công nghiệp văn hoá tại Việt Nam phát triển đáng kể. Ví dụ như khi 100% các loại hình di sản văn hóa được số hóa và chuẩn hóa theo khung chuẩn quốc gia, tài nguyên văn hóa sẽ được mở rộng chia sẻ hiệu quả, phục vụ người dân, doanh nghiệp và xã hội.

Những người làm công tác sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hoá, như điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, phần mềm trò chơi, du lịch văn hoá... có thể tiếp cận kho tư liệu khổng lồ về lịch sử, nghệ thuật dân gian, trang phục, âm nhạc truyền thống - những di sản mà hiện đang bị lưu trữ phân tán, khó tiếp cận, khai thác” - Luật sư Nguyễn Hưng Quang phân tích.

Giải bài toán “kinh tế nền tảng”

Về phát triển kinh tế nền tảng, đặc biệt là các nền tảng số dùng chung cung cấp tài nguyên văn hoá trên nền tảng số và tạo thị trường cho các sản phẩm văn hoá, theo Luật sư Nguyễn Hưng Quang, nổi trội nhất là hoạt động kinh tế của trò chơi trực tuyến (game online). Doanh thu trong lĩnh vực này đã đạt đến mốc hàng tỷ đô la Mỹ nhưng có lẽ do

mục tiêu xuất khẩu, các game của Việt Nam sản xuất vẫn còn ít mang bản sắc văn hoá Việt Nam.

Thứ hai, dù các dịch vụ truyền tải dữ liệu trực tuyến (OTT) đang phát triển mạnh mẽ, như công nghiệp điện ảnh, truyền hình, quảng cáo thì có VTVGo, VieOn, FPT Play, Netflix, Youtube..., công nghiệp âm nhạc có Spotify, Apple Music, Tidal, ZingMP3, Youtube Music, nhiếp ảnh có Getty Image... nhưng các doanh nghiệp nền tảng nước ngoài đang chiếm ưu thế về người dùng tại Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực phim ảnh và âm nhạc. Các nền tảng của doanh nghiệp Việt chưa cạnh tranh được về quy mô lẫn thuật toán.

Vị chuyên gia chỉ rõ những điểm yếu đang tồn tại. Một là các nền tảng bị phân tán, thiếu liên thông, kết nối. Mỗi đơn vị văn hoá (như bảo tàng, trung tâm nghiên cứu...) nếu xây dựng nền tảng số về văn hoá của đơn vị mình thì cũng không có kết nối hoặc không thể kết nối với nhiều nền tảng khác. Hai là, các loại hình nghệ thuật truyền thống như tuồng, chèo, cải lương, múa rối, ca trù, quan họ hầu như chưa có nền tảng số nào đáng kể, trong khi các loại nghệ thuật này là kho tàng bản sắc Việt Nam.

“Đề án 611 sẽ giúp hoá giải hai vướng mắc nêu trên nên vấn đề còn lại cũng là điểm yếu có tính cốt lõi trong phát triển kinh tế nền tảng là quyền tác giả trong môi trường số, gồm chất lượng của quy định pháp luật và năng lực thực thi của cơ quan có thẩm quyền và các cơ chế hỗ trợ kỹ thuật trong việc thực thi. Tồn tại này khiến cho các nền tảng của Việt Nam gặp khó khăn trong hoạt động tổ chức kinh doanh, bảo vệ quyền tài sản của mình trên môi trường số.

Trong khi đó, các nền tảng nước ngoài có được sự bảo trợ về thể chế (pháp luật và hệ thống thực thi) và có năng lực tài chính để thực hiện tốt công tác bảo vệ quyền tác giả để có thể khai thác hiệu quả quyền tài sản trí tuệ trong lĩnh vực văn hoá trên môi trường số. Nghị quyết 80 đã đặt nhiệm vụ phát triển nền tảng phân phối nội dung số và công cụ bảo vệ bản quyền, đây là tiền đề để hoá giải điểm yếu còn lại này” - Luật sư Nguyễn Hưng Quang chỉ rõ.

Để có các tập đoàn công nghiệp văn hoá

Nhiều chuyên gia cho rằng, làm chủ nền tảng phân phối các sản phẩm văn hoá là tự chủ trong định hướng nội dung và thị trường số của công nghiệp văn hoá. Còn theo Luật sư Nguyễn Hưng Quang, việc không làm chủ được về nền tảng sẽ ảnh hưởng tới hoạt động phân phối sản phẩm văn hoá, những người sáng tạo văn hoá sẽ gặp khó khăn khi thương mại hoá sản phẩm của mình, doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ bị đội thêm kinh phí khi phải quảng bá và “bán” sản phẩm thông qua các nền tảng nước ngoài...

Để giải quyết vấn đề này, vị chuyên gia cho rằng, các chính sách của Nhà nước nên tập trung vào một số vấn đề như:

(1) Xác định việc xây dựng nền tảng dữ liệu và hạ tầng số không chỉ là công cụ để quản lý tài sản, di sản văn hoá mà là cơ sở hạ tầng kinh tế cho toàn bộ chuỗi giá trị công

nghiệp văn hóa. Các cơ sở dữ liệu, nền tảng dùng chung nên mở và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân, nghệ sĩ sáng tác... được sử dụng, khai thác;

(2) Cải cách thủ tục hành chính và điều kiện đầu tư kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển nền tảng dùng chung trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá của Việt Nam phát triển, thậm chí tạo điều kiện để doanh nghiệp Việt Nam có thể đầu tư thâm tóm (M&A) hoặc hợp tác kinh doanh (BCC) với doanh nghiệp nền tảng nước ngoài để có thể thúc đẩy lĩnh vực kinh tế của hoạt động nền tảng số dùng chung nói riêng và hoạt động kinh tế của các lĩnh vực công nghiệp văn hoá;

(3) Hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế bảo đảm thi hành về quyền tác giả trên môi trường số phù hợp với thực tiễn thị trường để tạo điều kiện thuận lợi, bảo vệ quyền tài sản cho doanh nghiệp và những người hoạt động sáng tạo trong các lĩnh vực công nghiệp văn hoá của Việt Nam.

Việc hình thành các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn công nghiệp văn hoá góp phần xây dựng các nền tảng phân phối hay cung ứng những sản phẩm văn hoá chất lượng, vừa đáp ứng được nhu cầu của người thưởng thức, vừa mang đậm bản sắc Việt Nam cũng là một trụ cột quan trọng.

Theo Luật sư Nguyễn Hưng Quang, Nghị quyết số 80 có tầm chiến lược lâu dài và đặt ra mục tiêu đến năm 2030, xây dựng một số tập đoàn công nghiệp văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo, tổ hợp sáng tạo văn hoá tầm cỡ quốc tế dựa trên nền tảng công nghệ cao và các mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo. Đến năm 2045, Việt Nam là điểm đến hấp dẫn của các sự kiện văn hoá, nghệ thuật tầm cỡ khu vực và quốc tế; trở thành một trong những trung tâm công nghiệp văn hoá - sáng tạo năng động.

Dựa trên kinh nghiệm của Hàn Quốc và Trung Quốc trong hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động trong các ngành công nghiệp văn hoá, Luật sư Nguyễn Hưng Quang đề xuất, Việt Nam cần nhắc chính sách ưu đãi về thuế và đầu tư của Nhà nước đối với các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực công nghiệp văn hoá tương tự như các ưu đãi đang dành cho hoạt động về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số trong công nghiệp văn hoá.

Bên cạnh đó, Nhà nước cần thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm có nguồn vốn Nhà nước và khuyến khích thành lập và hoạt động quỹ đầu tư mạo hiểm tư nhân trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá, trong đó có nội dung chuyển đổi số để hỗ trợ cho các doanh nghiệp Việt Nam phát triển các dự án nền tảng, dữ liệu dùng chung và các hoạt động về nội dung văn hoá (content) trong các lĩnh vực công nghiệp văn hoá.

Nguồn: baochinhpvu.vn

AI TẠI VIỆT NAM BÙNG NỔ, ÁP LỰC “KÉP” VỀ QUẢN TRỊ VÀ BẢO MẬT

Sự bùng nổ của AI đang kéo theo rủi ro an ninh mạng gia tăng nhanh chóng, buộc doanh nghiệp chuyển từ cách tiếp cận bị động sang chủ động, tăng cường bảo vệ hệ thống và dữ liệu trong môi trường số ngày càng phức tạp...

Trong tiến trình chuyển đổi số toàn cầu, Việt Nam đang nổi lên như một điểm sáng về tốc độ thích ứng công nghệ. Tuy nhiên, bên cạnh cơ hội từ AI và kinh tế số, doanh nghiệp cũng đối mặt với thách thức về quản trị, hiệu quả đầu tư và rủi ro an ninh mạng ngày càng gia tăng.

Doanh nghiệp cần đặt trọng tâm vào chiến lược AI

Chia sẻ kinh nghiệm quốc tế, ông Ryohei Oda, Tổng Giám đốc ABeam Consulting Việt Nam cho biết, khác với Nhật Bản thúc đẩy AI để giải quyết bài toán già hóa dân số và thiếu hụt lao động, tại Việt Nam, AI đóng vai trò là công cụ hỗ trợ năng lực cho con người. Dù một số vị trí công việc có thể biến mất, nhưng sự xuất hiện của AI đồng thời mở ra những phân khúc nghề nghiệp hoàn toàn mới.

Theo Ryohei Oda, AI tại Việt Nam đang phát triển nhanh với trình độ kỹ thuật tiệm cận chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, sự mở rộng về quy mô chưa đi kèm với mức độ hoàn thiện trong quản trị, đặc biệt ở lĩnh vực sản xuất, nơi vẫn còn dư địa để nâng cao hiệu quả vận hành khi tích hợp AI.

Để trở thành động lực tăng trưởng bền vững, doanh nghiệp cần cải thiện tư duy chiến lược và hoàn thiện quản trị, đây những yếu tố chưa theo kịp tốc độ mở rộng của nền kinh tế. Thực tế, điểm nghẽn hiện nay không nằm ở năng lực triển khai mà ở việc xác định rõ mục tiêu ứng dụng. Nhân sự trong nước có thể triển khai công nghệ tốt, nhưng thiếu định hướng cụ thể dễ dẫn đến đầu tư theo xu hướng, gây lãng phí nguồn lực.

“Doanh nghiệp cần tính toán hiệu quả thực tế. Nếu đầu tư 1 triệu USD nhưng tiết kiệm được 100.000 giờ làm việc mỗi năm thì đó là khoản đầu tư hợp lý, ngược lại sẽ là rủi ro tài chính”, ông Ryohei Oda đưa ra ví dụ.

Rủi ro an ninh mạng gia tăng

Theo các chuyên gia, sự bùng nổ của AI cũng đặt doanh nghiệp trước những thách thức an ninh mạng chưa từng có.

Dữ liệu mới nhất từ Kaspersky cho thấy, trong năm qua đã ghi nhận hơn 23,8 triệu vụ tấn công trực tuyến và hơn 109,4 triệu mối đe dọa nhằm vào thiết bị cục bộ tại Việt Nam. Đồng thời, khoảng 34% doanh nghiệp trong nước từng trở thành mục tiêu của các cuộc tấn công chuỗi cung ứng.

Trước diễn biến phức tạp của các mối đe dọa, nhiều doanh nghiệp tăng cường đầu tư vào hệ thống phòng thủ. Theo Kaspersky, doanh thu tại Việt Nam tăng 39% so với cùng kỳ, trong đó mảng doanh nghiệp tăng 40% và khách hàng cá nhân tăng 37%.

Ông Ngô Tấn Vũ Khanh, Giám đốc Quốc gia Kaspersky tại Việt Nam, nhận định bức tranh môi đe dọa bảo mật không ngừng biến động đang gây ra hàng loạt hệ lụy tác động trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp, từ gián đoạn vận hành, rò rỉ dữ liệu đến tổn thất tài chính và suy giảm uy tín.

Đáng lo ngại hơn, sự gia tăng của các mối đe dọa ngày càng tinh vi như các cuộc tấn công có chủ đích (APT), tấn công AI và khai thác lỗ hổng trên thiết bị di động đang đẩy mức độ rủi ro lên cao hơn bao giờ hết.

Ông Ngô Tấn Vũ Khanh cho biết trước sự gia tăng về mức độ phức tạp và kéo dài của các mối đe dọa, doanh nghiệp Việt Nam đang chịu áp lực lớn trong việc nâng cao năng lực bảo mật, thay vì chỉ dựa vào các phương thức truyền thống.

Hiện nay, nhiều doanh nghiệp đang phải đối mặt với nguy cơ bị tấn công thành công ngày càng gia tăng, đòi hỏi sự chuyển dịch từ các phương pháp bảo mật bị động sang những chiến lược chủ động, dựa trên dữ liệu thám báo như việc xây dựng các Trung tâm Điều hành An ninh mạng (SOC).

Theo đó, hệ thống an ninh cần được tổ chức theo hướng tập trung và vận hành dựa trên dữ liệu, thay cho mô hình rời rạc trước đây. Một SOC được tích hợp hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp tăng khả năng giám sát, ứng phó nhanh hơn với rủi ro và duy trì tính linh hoạt trong môi trường an ninh mạng biến động.

Trong bối cảnh này, các SOC thế hệ mới đã được Kaspersky phát triển với khả năng tích hợp AI, nhằm nâng cao năng lực phát hiện, ứng phó và tự động hóa. Cùng cố thêm hiệu quả triển khai, SOC cũng được tích hợp với các hệ thống Quản lý sự kiện và thông tin bảo mật (SIEM) và sử dụng nguồn thám báo an ninh mạng (Threat Intelligence) theo thời gian thực, cho phép tương quan dữ liệu nâng cao từ nhiều nguồn và phát hiện mối đe dọa chính xác hơn.

Mặt khác, ông Ryohei Oda lưu ý doanh nghiệp cần phân biệt rõ giữa AI cá nhân và phiên bản dành cho doanh nghiệp (Enterprise). Việc sử dụng AI cá nhân trong môi trường công sở tiềm ẩn rủi ro rò rỉ dữ liệu, trong khi bản Enterprise đảm bảo kiểm soát và bảo mật tốt hơn.

Ông Ryohei Oda khuyến nghị doanh nghiệp cần tiếp cận an ninh mạng một cách chủ động thông qua các giải pháp như: Thẩm định hệ thống bằng “hacker mũ trắng” để phát hiện sớm các lỗ hổng; xây dựng kế hoạch kinh doanh liên tục để chuẩn bị sẵn kịch bản ứng phó sự cố, từ các quyết định nhanh chóng đến quản trị truyền thông nhằm bảo vệ uy tín thương hiệu; nâng cao nhận thức nội bộ thông qua các buổi diễn tập email giả mạo (phishing), giúp nhân viên hình thành phản xạ tự vệ trước các cuộc tấn công mạng ngày càng tinh vi.

ABeam Consulting cho biết doanh nghiệp đang đồng hành cùng quá trình chuyển đổi số tại Việt Nam, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng ESG, nâng cấp vận hành và khai thác AI theo hướng có trách nhiệm.

Trong đó, các dự án triển khai ERP - hệ thống phần mềm quản trị giúp tích hợp, tự động hóa các quy trình cốt lõi (tài chính, nhân sự, sản xuất và bán hàng,...) giúp tạo nguồn dữ liệu thống nhất, hỗ trợ doanh nghiệp vận hành hiệu quả khi mở rộng quy mô. Đồng thời, dịch vụ tư vấn CIO (Chief Information Officer) tập trung xây dựng chiến lược công nghệ thông tin và lộ trình chuyển đổi số, tối ưu đầu tư công nghệ, tăng cường quản trị và an ninh, đồng thời gắn kết IT với mục tiêu kinh doanh.

“Trong nhiều thập kỷ, doanh nghiệp Nhật Bản duy trì tăng trưởng nhờ quản trị hệ thống, đặc biệt qua ERP, tự động hóa và hiện đại hóa chuỗi cung ứng. Những kinh nghiệm này đang được vận dụng tại Việt Nam, giúp doanh nghiệp củng cố nền tảng vận hành và chuẩn bị cho các giai đoạn phát triển tiếp theo”, ông Ryohei Oda nhấn mạnh.

Nguồn: vneconomy.vn

KIỆN TOÀN BAN CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ĐỀ ÁN 06

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng ký Quyết định số 730/QĐ-TTg ngày 24/4/2026 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo).

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng làm Trưởng Ban Chỉ đạo.

Các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo gồm: Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Gia Túc (Phó Trưởng Ban Thường trực); Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Đại tướng Phan Văn Giang; Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà; Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng; Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Văn Thắng; Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu; Bộ trưởng Bộ Công an Đại tướng Lương Tam Quang; Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Vũ Hải Quân; Bộ trưởng Bộ Nội vụ Đỗ Thanh Bình.

Các Ủy viên Ban Chỉ đạo gồm: Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Lê Hoài Trung; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Đặng Xuân Phong; Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thanh Tùng; Bộ trưởng Bộ Công Thương Lê Mạnh Hùng; Bộ trưởng Bộ Tài chính Ngô Văn Tuấn; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hoàng Minh Sơn; Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo Nguyễn Đình Khang; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trịnh Việt Hùng; Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trần Hồng Minh; Bộ trưởng Bộ Y tế Đào Hồng Lan; Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Thị Phương Thanh; Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Phạm Đức Ân; Tổng Thanh tra Chính phủ Nguyễn Quốc Đoàn; Thứ trưởng Bộ Công an Thượng tướng Nguyễn Văn Long; Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Bùi Hoàng Phương; Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Văn Hôi; Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Tú.

Chức năng và nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo

Ban Chỉ đạo là tổ chức phối hợp liên ngành, có chức năng nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong chỉ đạo, điều phối xử lý những công việc quan trọng, liên ngành trong quá trình tổ chức thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế chính sách, các nhiệm vụ, giải pháp quy mô quốc gia về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển Đề án 06 và cải cách hành chính.

Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ nghiên cứu, tư vấn, khuyến nghị, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phương hướng, giải pháp để giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành trong thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách thuộc chức năng của Ban Chỉ đạo. Cho ý kiến về các chiến lược, chương trình, cơ chế, chính sách, đề án, dự án liên quan đến chức năng của Ban Chỉ đạo thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thuộc chức năng của Ban Chỉ đạo; điều phối việc thực hiện các chiến lược, chương trình, cơ chế, chính sách, đề án, dự án, giải pháp có tính chất liên ngành thuộc chức năng của Ban Chỉ đạo; điều phối chung việc triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo và đề xuất điều chỉnh, bổ sung khi cần thiết trong triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển Đề án 06 và cải cách hành chính và thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo.

Kiện toàn 03 Tổ Công tác

Thủ tướng kiện toàn 03 Tổ Công tác gồm:

- Kiện toàn Tổ Công tác triển khai Đề án 06; cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 (*đôn đốc các nhiệm vụ liên quan đến cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06*), do Bộ trưởng Bộ Công an Đại tướng Lương Tam Quang làm Tổ trưởng.

- Kiện toàn Tổ Công tác về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (*trừ đôn đốc các nhiệm vụ liên quan đến chuyển đổi số gắn với Đề án 06*), do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Vũ Hải Quân làm Tổ trưởng.

- Kiện toàn Tổ Công tác cải cách hành chính (*trừ đôn đốc các nhiệm vụ liên quan đến cải cách thủ tục hành chính gắn với Đề án 06*), do Bộ trưởng Bộ Nội vụ Đỗ Thanh Bình làm Tổ trưởng.

Bộ Công an làm nhiệm vụ cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo

Bộ Công an làm nhiệm vụ cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo; sử dụng bộ máy hiện có để thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm không tăng biên chế; có trách nhiệm điều phối, đôn đốc, tiếp nhận báo cáo, phối hợp với các Tổ Công tác, Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo tham mưu phục vụ hoạt động và các phiên họp của Ban Chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương; trình Trưởng Ban Chỉ đạo phê duyệt Kế hoạch hoạt động hằng năm, cập nhật, sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động; kiện toàn thành viên của Ban Chỉ đạo.

Thành lập Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo

Tại Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 24/4/2026, Thủ tướng Chính phủ thành lập Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo. Theo Quyết định trên, Thứ trưởng Bộ Công an Thượng tướng Nguyễn Văn Long làm Tổ trưởng.

Tổ Giúp việc có chức năng tham mưu, giúp việc trực tiếp cho Trưởng Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo, các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo trong công tác kiểm tra, đánh giá, theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ; phát hiện khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn, nhiệm vụ chậm tiến độ hoặc phối hợp chưa hiệu quả để tham mưu, kiến nghị giải pháp tháo gỡ.

Tổ Giúp việc không làm thay chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, ngành, địa phương; tập trung vào công tác tổng hợp, theo dõi, kiểm tra, giám sát, tham mưu điều phối và đề xuất giải pháp tháo gỡ các điểm nghẽn liên ngành, liên lĩnh vực.

Nguồn: baochinhpvu.vn

CẬP NHẬT, BỔ SUNG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI, TÀI CHÍNH QUỐC GIA, ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026 - 2030

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 109/NQ-CP cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng “2 con số”.

Đổi mới quản trị thực thi để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số”

Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, trong đó thống nhất tư duy, nhận thức, khát vọng và hành động; đổi mới quản trị thực thi để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số”.

Cụ thể, các cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và yêu cầu chiến lược, cấp bách thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số” gắn với ổn định vĩ mô, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, phải cụ thể hoá trong các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, có nhiệm vụ, kết quả, sản phẩm cụ thể cho từng ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với trách nhiệm người đứng đầu; kiểm tra, giám sát, đánh giá dựa trên tiêu chí kết quả thực hiện. Tăng cường tuyên truyền, vận động, hành động nêu gương để củng cố niềm tin, khát vọng phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, người dân và toàn xã hội.

Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển

Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu khác là hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển.

Theo đó, xây dựng và hoàn thiện thể chế, pháp luật phù hợp để xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật trong các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là giáo dục, y tế, văn hóa và khoa học công nghệ; làm cơ sở để thực hiện đặt hàng cho các đơn vị trong và ngoài nhà nước tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công; tăng cường kiểm tra, giám sát.

Nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, xây dựng tiêu chí đánh giá văn bản pháp luật sau khi ban hành, bảo đảm chuyên tư duy đánh giá hiệu quả pháp luật từ “tốt trong văn bản” sang “tốt trong cuộc sống”.

Tiếp tục có giải pháp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương. Nghiên cứu, đề xuất các quy định nhằm bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, thống nhất quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

Khẩn trương tháo gỡ căn bản các rào cản, điểm nghẽn về thể chế, cơ chế, chính sách; rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phát triển nền kinh tế số, đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, thương mại, khoáng sản, sở hữu trí tuệ, phá sản, xây dựng... góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Cải cách mạnh mẽ, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch; cắt giảm, đơn giản hoá các điều kiện kinh doanh không cần thiết, mâu thuẫn, chồng chéo, không rõ ràng; chuẩn hoá, số hoá toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục trên môi trường số, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

Phấn đấu môi trường đầu tư của Việt Nam vào nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN và nhóm 30 quốc gia hàng đầu thế giới vào năm 2028. Xây dựng, điều chỉnh các chiến lược và quy hoạch các cấp bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tạo điều kiện cho huy động, phân bổ, sử dụng nguồn lực hiệu quả.

Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng, đồng bộ trong các lĩnh vực tài chính, đầu tư, xây dựng, đất đai và các lĩnh vực khác gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát. Tổng kết, đánh giá việc thực hiện thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù đang áp dụng cho các địa phương để nghiên cứu, thể chế hoá thành chính sách chung cho cả nước.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phát triển năng lượng, đặc biệt là trong lĩnh vực dầu khí, năng lượng tái tạo. Xây dựng thể chế thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế không gian tầm thấp, kinh tế bạc, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm... Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật cho phát triển công nghệ tài chính (Fintech), tài sản mã hoá, trí tuệ nhân tạo (AI) và các mô hình kinh tế mới nổi khác. Thí điểm cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong các lĩnh vực mới như công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi năng lượng, công nghệ số...

Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực phát triển các công trình hạ tầng chiến lược như: đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, điện hạt nhân, điện gió ngoài khơi, trung tâm dữ liệu quốc gia, các mô hình kinh tế đột phá gồm: Đặc khu kinh tế, đặc khu công nghệ, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế. Ban hành cơ chế, chính sách giao, đặt hàng khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển mạnh kinh tế nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp xanh và nông nghiệp tuần hoàn; chính sách quản lý, sử dụng hợp lý, linh hoạt đất trồng lúa; cơ chế, chính sách về đất đai, đầu tư, bảo hiểm, hợp tác công tư... cho phát triển kinh tế nông nghiệp. Ưu tiên đầu tư, thử nghiệm, thí điểm các cơ chế, chính sách vượt trội cho các mô hình sản xuất nông nghiệp dựa trên công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính

Chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng mới lấy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, nợ công, bội chi ngân sách nhà nước trong giới hạn quy định. Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, linh hoạt giữa chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác, bảo đảm cung ứng vốn cho nền kinh tế thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số”; kiên quyết không để xảy ra khủng hoảng kinh tế trong mọi tình huống. Chính phủ chủ động điều chỉnh các loại thuế, phí trong trường hợp khẩn cấp.

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành kinh tế; tăng cường huy động nguồn lực cho phát triển; thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu), phát triển mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực, mô hình kinh tế mới, động lực tăng trưởng mới. Quản lý thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, minh bạch, bền vững, đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhà ở của người dân.

Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, tăng chi cho đầu tư phát triển, tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên; tạo đột phá mạnh về cơ chế, chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực theo các mô hình hợp tác công - tư.

Thực hiện quyết liệt các giải pháp phát triển thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu doanh nghiệp ổn định, an toàn, lành mạnh, trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn hiệu quả phục vụ tăng trưởng hai con số, giảm sự phụ thuộc vào hệ thống ngân hàng; triển khai các giải pháp để nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia, nâng hạng thị trường chứng khoán; ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế, khu thương mại tự do trong việc thu hút các dòng vốn đầu tư gián tiếp, các quỹ đầu tư quốc tế; phát triển đa dạng các loại hình nhà đầu tư tổ chức, phát triển thị trường tín chỉ các-bon và các sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại theo thông lệ quốc tế; điều chỉnh hạn mức bảo lãnh phát hành trái phiếu của ngân hàng chính sách xã hội; mở rộng tỉ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề không ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

Hiện đại hoá hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng; đẩy mạnh việc xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, sở hữu chéo; nâng cao chất lượng, hiệu quả tín dụng, giữ vững ổn định, an toàn hệ thống; tăng vốn điều lệ cho các ngân hàng thương mại nhà nước từ các

nguồn: lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ, phát hành cổ phiếu, ngân sách nhà nước... theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế; phát triển lành mạnh và đa dạng hoá các nguồn vốn, tăng cường khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp trong nước, ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, kinh tế tập thể. Nâng cao hiệu quả quản lý thị trường vàng.

Xây dựng và hiện đại hoá nền công nghiệp quốc gia vững mạnh. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách đột phá, đồng bộ để phát triển, nâng cao sức cạnh tranh các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, phát triển các sản phẩm công nghiệp trọng điểm.

Nâng cao năng lực sản xuất các ngành công nghiệp chiến lược, tiến tới tự chủ, tự cường về nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, nguồn nhân lực và khoa học công nghệ gắn với tăng cường vị thế, vai trò của Việt Nam trong chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu.

Tập trung nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh một số ngành công nghiệp nền tảng như năng lượng, hạt nhân, cơ khí chế tạo, luyện kim, vận tải đường sắt, đóng tàu, vật liệu mới, hoá chất, công nghệ số, sinh học, công nghiệp hỗ trợ gắn với tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Ưu tiên phát triển, từng bước làm chủ công nghệ sản xuất trong một số ngành công nghiệp mới nổi như công nghiệp chip bán dẫn, công nghiệp robot và tự động hoá, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, công nghiệp sinh học, công nghiệp môi trường, năng lượng tái tạo, năng lượng mới... Phát triển các cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hoá và các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn.

Phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hoá hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh, hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị tăng cao. Xây dựng, phát triển các trung tâm logistics lớn, đạt chuẩn quốc tế, gắn kết chặt chẽ với cảng biển, cảng hàng không trung chuyên quốc tế. Hiện đại hoá hệ thống hạ tầng thương mại, phát triển thương mại điện tử.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi xanh, sinh thái, tuần hoàn, theo chuỗi giá trị, có hiệu quả; phát triển các vùng sản xuất hàng hoá lớn, giá trị gia tăng cao; phát triển thương hiệu các ngành hàng nông sản chiến lược, chủ lực. Tổ chức sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị gắn với thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

Nghiên cứu đổi mới căn bản chính sách về hạn mức đất lúa theo hướng chuyển từ quy định cứng về diện tích tối thiểu sang quy định linh hoạt chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả nhưng phải quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi, tránh áp dụng tùy tiện, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

Tạo đột phá phát triển các thành phần kinh tế gắn với triển khai hiệu quả các nghị quyết của Bộ Chính trị. Đổi mới kinh tế nhà nước, trọng tâm là quản trị doanh nghiệp nhà nước theo các chuẩn mực quốc tế, tăng cường hiệu quả và vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp nhà nước trong một số lĩnh vực quan trọng; tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại

doanh nghiệp, bảo đảm hiệu quả, không làm thất thoát, lãng phí. Chú trọng phát triển các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp lớn có năng lực cạnh tranh khu vực và toàn cầu.

Phát triển khu vực kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Có chính sách phù hợp, tạo môi trường minh bạch, thuận lợi, an toàn để doanh nghiệp tư nhân trong nước tiếp cận bình đẳng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Xây dựng, triển khai các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính, công nghệ, quản trị cho doanh nghiệp trong nước để hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, quy mô lớn, đầu đàn để dẫn dắt chuỗi giá trị trong nước và mở rộng, tham gia thị trường toàn cầu; chú trọng hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp.

Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và vươn ra thị trường quốc tế hiệu quả, bền vững để mở rộng không gian tăng trưởng, nâng cao vị thế và thương hiệu quốc gia Việt Nam trên trường quốc tế. Thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp mới nổi.

Xây dựng cơ chế hiệu quả thu hút có chọn lọc vốn đầu tư nước ngoài gắn với chuyển giao, học hỏi và tiếp thu công nghệ, nâng cao năng lực nội sinh về công nghệ; tăng cường kết nối khu vực kinh tế có vốn nước ngoài với các khu vực kinh tế của Việt Nam. Đổi mới chính sách thu hút FDI theo hướng chuyển từ trọng tâm ưu đãi thuế sang các chính sách ưu đãi khác, áp dụng ưu đãi sau - ưu đãi theo kết quả; đầu tư hiệu quả ra nước ngoài. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho kinh tế tập thể, hợp tác xã. Vận hành hiệu quả Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Thành lập, phát triển các khu thương mại tự do thế hệ mới có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế.

Phát triển thị trường trong nước trở thành điểm tựa quan trọng cho tăng trưởng; chuyển dịch mạnh mẽ sang các loại hình phân phối hiện đại. Tổ chức các chương trình kích cầu tiêu dùng quy mô lớn, thực chất, hiệu quả. Phát triển hạ tầng du lịch, sản phẩm du lịch chất lượng cao, du lịch số; kết hợp thúc đẩy du lịch quốc tế với các dịch vụ về chăm sóc sức khỏe, mua sắm hàng hoá; xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp đột phá phát triển du lịch để thu hút 45 - 50 triệu lượt khách du lịch quốc tế vào năm 2030.

Mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, chuỗi cung ứng, tận dụng có hiệu quả các FTA đã ký kết, phát triển các thị trường mới; ưu tiên xuất khẩu các nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng, đổi mới sáng tạo, tiêu chuẩn xanh, tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG); tham gia sâu vào chuỗi cung ứng chiến lược của các nước.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hiện đại hoá nền giáo dục quốc dân, ngang tầm khu vực và thế giới; thu hút, trọng dụng nhân tài

Tập trung chuyển đổi cơ cấu, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm, chiến lược, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động gắn với yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế và hội nhập trong bối cảnh mới. Đổi mới và hoàn thiện đồng bộ hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, nâng

cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, ưu đãi đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành nghề kỹ thuật, công nghệ và phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia; phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Đặt hàng các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp công nghệ tham gia đào tạo nghề.

Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Tăng cường dạy và học ngoại ngữ, nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Đổi mới Chương trình giáo dục mầm non và triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo lộ trình. Đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Nghệ thuật, Toán học (STEAM) và nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực số trong trường phổ thông. Tăng cường đào tạo, trang bị kiến thức cơ bản về văn hoá, nghệ thuật và tăng cường hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể chất cho học sinh.

Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá và tập trung đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục đại học trở thành các trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia ngang tầm các nước tiên tiến; hiện đại hóa giáo dục đại học, phát triển một số cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu trở thành các trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngang tầm các nước tiên tiến. Phát triển một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngành, nghề đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới. Đưa giáo dục kỹ năng số, trí tuệ nhân tạo vào hệ thống giáo dục quốc dân ngay từ chương trình giáo dục mầm non; chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục.

Đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, đặc biệt chú trọng đội ngũ cán bộ quản lý và nguồn nhân lực cho các ngành mũi nhọn về khoa học công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên, mới nổi (như trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, chuỗi khối, điện tử, chip bán dẫn, công nghệ số, công nghệ lượng tử, công nghệ sinh học, môi trường, năng lượng, vật liệu tiên tiến, robot và tự động hoá, không gian vũ trụ, không gian biển, xây dựng công trình ngầm, vận hành đường sắt đô thị và đường sắt tốc độ cao). Phát triển nguồn nhân lực số, trang bị kỹ năng số toàn diện cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số và xã hội số.

Có chính sách ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, các đối tượng chính sách.

Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đạt trình độ tiên tiến ở những lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao. Khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, tháo gỡ dứt điểm các nút thắt, rào cản trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với kết quả đầu ra và chấp nhận rủi ro có kiểm soát, trọng tâm là cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, đầu tư, cơ chế cho các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ.

Xây dựng và triển khai các khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách thử nghiệm, thí điểm vượt trội trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp gắn với khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

Tăng cường đầu tư, hoàn thiện và khai thác hiệu quả hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng số, cơ sở dữ liệu lớn. Ưu tiên tiếp thu, chuyển giao, ứng dụng sáng tạo, làm chủ và xây dựng các cơ sở nghiên cứu, phát triển các ngành công nghệ cao, chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ số, công nghệ sinh học; từng bước tham gia sâu vào chuỗi giá trị công nghệ cao. Chú trọng nghiên cứu cơ bản, gắn với định hướng ứng dụng, làm chủ về công nghệ, nhất là những lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu, tiềm năng và lợi thế.

Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, ưu tiên cho công nghệ chiến lược. Xây dựng các chương trình, đề án nghiên cứu khoa học mang tính đột phá, tập trung vào các nhóm ngành công nghệ chiến lược. Phát triển hạ tầng công nghiệp công nghệ số, trọng tâm là công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; thu hút, trọng dụng nhân tài, các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, các “tổng công trình sư” đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách thu hút nhân tài, chuyên gia trong và ngoài nước. Tăng cường hợp tác công tư trong thu hút, đào tạo, trọng dụng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các phòng thí nghiệm bán dẫn dùng chung cấp quốc gia và phòng thí nghiệm bán dẫn cấp cơ sở tại các cơ sở giáo dục đại học.

Thúc đẩy chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội; phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; tập trung số hoá toàn diện hoạt động quản lý nhà nước và triển khai hiệu quả Đề án 06. Có cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn, khuyến khích đổi mới sáng tạo. Ứng dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước; phát triển mạnh trợ lý ảo cho doanh nghiệp và người dân. Quản lý, thúc đẩy phát triển tài sản số, tiền kỹ thuật số lành mạnh và hiệu quả. Thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội; phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

Nhiệm vụ, giải pháp về tài chính quốc gia

Về nhiệm vụ, giải pháp tài chính quốc gia, quản lý, điều hành ngân sách nhà nước hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, nâng cao chất lượng nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, tăng tính bền vững của nền tài chính quốc gia. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước. Xây dựng mức bội chi ngân sách nhà nước hằng năm bảo đảm trong phạm vi mục tiêu giai đoạn 2026 -

2030 và theo nhu cầu, tiến độ giải ngân các nhiệm vụ đầu tư phát triển; thực hiện đánh giá hằng năm và giữa kỳ, kịp thời kiến nghị điều chỉnh mục tiêu khi có biến động lớn, bảo đảm khả thi và đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Thực hiện giải pháp dự phòng để bảo đảm an ninh, an toàn tài chính quốc gia trong phạm vi cân đối ngân sách nhà nước.

Xây dựng hệ thống thuế hiện đại, minh bạch, vừa thúc đẩy tăng trưởng vừa bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong chính sách thuế, bảo đảm tính trung lập của hệ thống thuế. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lợi nhuận sau thuế của khu vực doanh nghiệp nhà nước, vừa thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế nhà nước, vừa không ảnh hưởng lớn tới nguồn thu của ngân sách nhà nước.

Đối với chính sách đặc thù tài chính - ngân sách nhà nước của địa phương, tập trung khai thác các nguồn thu mới; không ban hành các cơ chế, chính sách, quy định đặc thù về miễn, giảm, ưu đãi thuế cao hơn quy định của pháp luật về thuế, pháp luật khác về thu ngân sách nhà nước. Không quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, để lại nguồn thu ngân sách trung ương khác với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Kết luận số 93-KL/TW của Bộ Chính trị (trừ trường hợp theo chủ trương của cấp có thẩm quyền).

Từ năm 2027 cân đối vào ngân sách nhà nước một số nhiệm vụ an ninh, quốc phòng đã được Bộ Chính trị phê duyệt, trước đây sử dụng từ nguồn hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước.

Trong điều kiện ngân sách còn khó khăn, tận dụng tối đa công năng sử dụng các trụ sở làm việc hiện có; hạn chế tối đa việc xây dựng trụ sở, trung tâm hành chính mới tại các tỉnh, thành phố; các bộ, ngành, cơ quan, địa phương chịu trách nhiệm về sự cần thiết khi quyết định, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, không để ảnh hưởng đến các mục tiêu quan trọng khác, chống lãng phí, tiêu cực.

Rà soát các vướng mắc trong đầu tư công, sớm tổng kết và đánh giá nguồn lực đầu tư công, trên cơ sở đó nghiên cứu hợp nhất Luật Đầu tư công với Luật ngân sách nhà nước.

Phấn đấu đưa Việt Nam sớm trở thành quốc gia có xếp hạng tín nhiệm đầu tư

Về nhiệm vụ, giải pháp về vay, trả nợ công, triển khai áp dụng hiệu quả Luật Quản lý nợ công, tăng cường quản lý rủi ro nợ công, nâng cao minh bạch trong huy động, sử dụng và báo cáo thông tin nợ công, phấn đấu đưa Việt Nam sớm trở thành quốc gia có xếp hạng tín nhiệm đầu tư.

Chủ động điều hành linh hoạt về công cụ, hình thức vay, kỳ hạn vay, thời điểm vay và khối lượng vay trong năm, gắn với công tác quản lý ngân quỹ, góp phần giảm chi phí, giảm áp lực huy động vốn cho ngân sách nhà nước, đáp ứng nhu cầu huy động và dự phòng trong thời điểm thị trường không thuận lợi, bảo đảm an toàn nợ công, thanh khoản của thị trường trái phiếu Chính phủ.

Nhiệm vụ, giải pháp về đầu tư công trung hạn

Về nhiệm vụ, giải pháp về đầu tư công trung hạn, đối với ngân sách trung ương, bố trí theo quy định của Luật Đầu tư công, trong đó tập trung ưu tiên bố trí cho các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư,

các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, các chương trình, dự án theo Chương trình hành động của trung ương thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV, các dự án liên vùng của các địa phương. Dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 là 10%; giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025.

Đối với ngân sách địa phương, địa phương chủ động quyết định đầu tư theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực, phục vụ tốt nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn theo tinh thần “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”. Quán triệt nguyên tắc bố trí vốn tập trung, không dàn trải, giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025, ưu tiên bố trí cho các dự án liên vùng, liên tỉnh, liên xã, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bảo đảm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án trọng điểm được trung ương hỗ trợ đầu tư trên địa bàn, bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo cam kết.

Hoàn thành hướng dẫn hạch toán hiệu quả kinh tế - xã hội làm cơ sở phân bổ vốn đầu tư công. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa đầu tư công với đầu tư xã hội. Hợp tác, vay vốn nước ngoài, vốn trái phiếu dài hạn, vốn của Nhân dân, doanh nghiệp, kết hợp với ngân sách nhà nước để triển khai các dự án lớn.

Nghị quyết số 109/NQ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/4/2026 và thay thế Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Các nội dung đã thực hiện theo Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ tiếp tục được triển khai thực hiện và cập nhật theo Chương trình hành động ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Nguồn: baochinhphu.vn

PHÁT TRIỂN, ỨNG DỤNG HIỆU QUẢ CÔNG NGHỆ SINH HỌC THÀNH NGÀNH KINH TẾ - KỸ THUẬT QUAN TRỌNG

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng vừa ký Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 21/4/2026 về việc tập trung phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chỉ thị nêu: Trong thời gian qua, các bộ, ngành, địa phương đã có nhiều cố gắng trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới và Nghị quyết số 189/NQ-CP ngày 16/11/2023 của Chính phủ ban hành kèm theo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị; nhận thức về vai trò của công nghệ sinh học đã được nâng lên; công nghệ sinh học nước ta đã có bước phát triển nhanh, đạt

được nhiều thành tựu quan trọng, bước đầu hình thành các mô hình ứng dụng công nghệ sinh học hiệu quả trong các lĩnh vực như: nông nghiệp, y tế, môi trường...; nhiều nhiệm vụ, đề án quan trọng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai.

Tuy nhiên, công tác tổ chức thực hiện, tiến độ triển khai các nhiệm vụ được giao còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn; cơ chế, chính sách chưa đủ mạnh để tạo đột phá; nguồn lực đầu tư còn dàn trải, phân tán; mối liên kết giữa nghiên cứu - ứng dụng - sản xuất - thị trường còn rời rạc; chưa hình thành được nhiều doanh nghiệp công nghệ sinh học có năng lực dẫn dắt; việc tổ chức thực hiện ở một số bộ, ngành, địa phương còn chậm, chưa tạo được chuyển biến rõ nét; công nghệ sinh học chưa phát triển tương xứng tiềm năng; năng lực tự chủ đối với các sản phẩm sinh học thiết yếu còn hạn chế, phụ thuộc vào nhập khẩu.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghệ sinh học

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên, tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học và phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; tổ chức triển khai đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghệ sinh học theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 189/NQ-CP của Chính phủ.

Đồng thời, khẩn trương rà soát toàn bộ nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 189/NQ-CP của Chính phủ bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn sau sáp nhập bộ, ngành, địa phương cũng như các Luật, Nghị định đã được ban hành và có hiệu lực. Rà soát, khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ chậm tiến độ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện trong tháng 5/2025.

Định kỳ rà soát, đánh giá, công khai kết quả thực hiện; kịp thời biểu dương tập thể, cá nhân thực hiện tốt; xử lý nghiêm các trường hợp chậm triển khai, không hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ sinh học là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của bộ, ngành, địa phương và người đứng đầu.

Phát triển công nghệ sinh học phải được đặt trong tổng thể triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; ưu tiên nguồn lực nhà nước đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, sản phẩm chủ lực quốc gia trong lĩnh vực công nghệ sinh học, nhiệm vụ có khả năng tạo đột phá và lan tỏa lớn; nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, an ninh; khuyến khích mạnh mẽ khu vực tư nhân đầu tư vào công nghiệp sinh học; phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, công thương thành ngành kinh tế - kỹ thuật.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách vượt trội và các mô hình thí điểm phát triển công nghệ sinh học trong tháng 5/2026

Bộ Khoa học và Công nghệ khẩn trương rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách vượt trội và các mô hình thí điểm áp dụng các cơ chế, chính sách mới/vượt trội để tạo đột phá phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ trong một số lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế, sản phẩm sinh học thân thiện với môi trường, hoàn thành trong tháng 5/2026.

Chủ trì xây dựng và tổ chức triển khai các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia về công nghệ sinh học; tập trung công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, sản phẩm chủ lực lĩnh vực công nghệ sinh học theo yêu cầu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Ưu tiên đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển công nghệ sinh học có khả năng tạo đột phá, gắn với nhu cầu của thị trường và doanh nghiệp; đẩy mạnh hợp tác công - tư (PPP) để hình thành các trung tâm nghiên cứu - phát triển công nghệ sinh học quy mô lớn, từng bước nâng cao năng lực làm chủ công nghệ, đổi mới sáng tạo trong nước.

Chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan liên quan triển khai thống kê, đánh giá tỷ trọng đóng góp của công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm công nghệ sinh học; tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, phát triển tài sản trí tuệ và khai thác thông tin sáng chế phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

Xây dựng mạng lưới quản lý và kiểm định an toàn sinh học trong cả nước

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện Đề án phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, định hướng tại Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị, hoàn thành trong tháng 5/2026.

Tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu và phù hợp với điều kiện sinh thái Việt Nam; các vắc xin và chế phẩm học phòng bệnh cho vật nuôi, cây trồng; bảo tồn, phát triển các nguồn gen bản địa, nguồn gen đặc hữu và hình thành cơ sở dữ liệu, ngân hàng nguồn gen phục vụ nghiên cứu và phát triển bền vững.

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương nghiên cứu, hình thành các vùng, cụm, khu nông nghiệp công nghệ sinh học và công nghiệp sinh học quy mô lớn, gắn với chuỗi giá trị từ nghiên cứu - sản xuất - chế biến - thương mại hóa sản phẩm, hiệu quả, đủ sức cạnh tranh và xuất khẩu, hoàn thành trong tháng 12/2026.

Phát triển công nghệ sinh học trong xử lý môi trường, tái chế phụ phẩm nông nghiệp, phát triển nông nghiệp xanh, tuần hoàn và bền vững.

Triển khai xây dựng mạng lưới quản lý và kiểm định an toàn sinh học trong cả nước.

Thúc đẩy hình thành và phát triển chuỗi giá trị công nghiệp sinh học

Bộ Công Thương chủ trì phê duyệt, triển khai Đề án phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực công thương theo thẩm quyền, đảm bảo đúng chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan, hoàn thành trong tháng 5/2026.

Thúc đẩy hình thành và phát triển chuỗi giá trị công nghiệp sinh học từ nghiên cứu, sản xuất, thương mại hóa, gắn với hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ sinh học; khuyến khích các doanh nghiệp lớn đầu tư đổi mới công nghệ, làm chủ các công nghệ lõi, công nghệ chiến lược lĩnh vực công nghệ sinh học và phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Hỗ trợ đăng ký thương hiệu sản phẩm, phát triển thị trường và mở rộng xuất khẩu đối với các sản phẩm ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công thương có lợi thế cạnh tranh của Việt Nam.

Đẩy nhanh lộ trình tự chủ công nghệ sản xuất vắc xin thế hệ mới, thuốc sinh học, sinh phẩm y tế

Bộ Y tế đẩy mạnh phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực y tế; đẩy nhanh lộ trình tự chủ công nghệ sản xuất vắc xin thế hệ mới, thuốc sinh học, sinh phẩm y tế, công nghệ gen, công nghệ tế bào, công nghệ in 3D cá thể hóa... nhằm giảm phụ thuộc vào nhập khẩu nước ngoài.

Nghiên cứu, chuyển giao, từng bước tự chủ và ứng dụng công nghệ tiên tiến, mở rộng hợp tác quốc tế nhằm nâng cao năng lực dự phòng, chẩn đoán và điều trị bệnh, công nghệ sản phẩm sinh học y tế.

Đầu tư nâng cao năng lực kiểm định, thử nghiệm, quản lý chất lượng các sản phẩm sinh học y tế và đảm bảo an toàn sinh học.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học

Bộ Giáo dục và Đào tạo đổi mới chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học. Gắn đào tạo với nhu cầu doanh nghiệp, phát triển mô hình hợp tác “3 Nhà” (Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp) thực chất, hiệu quả; tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo chuyên gia, nhà khoa học; thúc đẩy các chương trình hỗ trợ trao đổi giao lưu nghiên cứu sinh, nhà khoa học trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các sản phẩm công nghệ sinh học đặc thù phục vụ quốc phòng, an ninh sinh học trong tình hình mới.

Chủ động nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện, ứng phó với các tình huống khủng bố bằng tác nhân sinh học, chiến tranh sử dụng vũ khí sinh học; tăng cường năng lực phòng, chống tội phạm về đa dạng sinh học, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình trọng điểm. Phối hợp xây dựng, đề xuất cơ chế,

chính sách vượt trội để tạo đột phá phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Thủ tướng Chính phủ đề nghị **Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam** khẩn trương hoàn thiện, trình cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án nghiên cứu các khoa học cơ bản và phát triển công nghệ nền tảng của công nghệ sinh học đặc thù cho Việt Nam đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, góp phần tạo nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo tinh thần của Nghị quyết số 36-NQ/TW, hoàn thành trong tháng 5/2026.

Nguồn: baochinhphu.vn

100% CÁN BỘ CÔNG CHỨC CẤP XÃ CHƯA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHUYÊN MÔN VỊ TRÍ VIỆC LÀM ĐƯỢC CỬ ĐI BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC

Ngày 20/4/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ký ban hành Quyết định số 700/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, đặc khu đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp giai đoạn 2026 - 2031.

Mục tiêu chung của Đề án là tăng cường bồi dưỡng để kịp thời trang bị kiến thức, kỹ năng; chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cấp xã theo yêu cầu của vị trí việc làm (mới), nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp và ý thức trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã để thực thi nhiệm vụ, công vụ đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp hiệu lực, hiệu quả.

Phát triển năng lực (tư duy chiến lược, tư duy dữ liệu, chuyển đổi số, huy động nguồn lực, phối hợp liên ngành, phản ứng chính sách) của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Hết năm 2028, 100% cán bộ, công chức cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu về chuyên môn của vị trí việc làm được cử đi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn chuyên ngành

Về mục tiêu cụ thể, giai đoạn 2026 - 2028, tập trung bồi dưỡng kiến thức chuyên môn chuyên ngành, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ, năng lực quản lý, điều hành để có đủ năng lực cơ bản thực thi nhiệm vụ, công vụ, cụ thể:

Căn cứ tình hình thực tiễn, các cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu về chuyên môn của vị trí việc làm (mới) đi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn chuyên ngành. Bảo đảm đến hết năm 2028, 100% cán bộ, công chức cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu về chuyên môn của vị trí việc làm được cử đi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn chuyên ngành.

Bảo đảm 50% công chức chuyên môn ở cấp xã được bồi dưỡng kiến thức chung về quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.

Bảo đảm 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ theo ngành, lĩnh vực; bồi dưỡng các kỹ năng bổ trợ để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao.

Hết năm 2031, 100% cán bộ, công chức cấp xã được bổ sung kiến thức và kỹ năng, nghiệp vụ mới

Giai đoạn 2029 - 2031, tập trung bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng lãnh đạo, quản lý; trang bị kỹ năng bổ trợ, chuyên sâu phục vụ quá trình thực thi nhiệm vụ, công vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm ở cấp xã.

Bảo đảm 50% công chức chuyên môn ở cấp xã được bồi dưỡng kiến thức chung về quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.

Bảo đảm đến hết năm 2031, 100% cán bộ, công chức cấp xã được bổ sung kiến thức và kỹ năng, nghiệp vụ mới nhằm nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp trong thực thi nhiệm vụ, năng lực phát triển trong bối cảnh đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp hiệu lực, hiệu quả.

Nội dung bồi dưỡng

Về nội dung bồi dưỡng, giai đoạn 2026 - 2028, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn chuyên ngành đối với cán bộ, công chức cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm (mới) được bố trí tại cấp xã khi vận hành chính quyền địa phương 2 cấp. Thời gian thực hiện là 03 tháng.

Về chứng chỉ, cán bộ, công chức cấp xã được cử đi bồi dưỡng và có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức chuyên môn chuyên ngành thì được xem là đã đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn đối với vị trí việc làm mới, phân công nhiệm vụ mới hoặc bổ sung thêm nhiệm vụ mới và yêu cầu quy định về khung năng lực của vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức cấp xã.

Bên cạnh đó, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với chức danh lãnh đạo, quản lý theo Chương trình của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Bồi dưỡng kiến thức chung về quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp đối với công chức chuyên môn ở cấp xã, thời gian bồi dưỡng 02 tuần.

Bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, thời gian bồi dưỡng, tập huấn mỗi khóa từ 02 đến 05 ngày, cụ thể:

+ Bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đối với các nội dung mới, khó, trọng tâm theo ngành, lĩnh vực (nhất là các nội dung về lập quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quản lý dự án đầu tư công; tài chính; đấu thầu; đất đai; trật tự xây dựng; chính sách an sinh xã hội; du lịch cộng đồng; quản trị rủi ro xã hội; kinh tế số nông nghiệp, nông thôn; khiếu nại, tố cáo...); nghiệp vụ công tác Đảng (dành cho cán bộ, công chức khối Đảng).

+ Bồi dưỡng các kỹ năng bổ trợ phục vụ tham mưu, thực thi nhiệm vụ, công vụ cho cán bộ, công chức cấp xã, như: Ra quyết định tại cơ sở, thủ tục hành chính, giao tiếp hành chính, giải quyết mâu thuẫn và tương tác với người dân; khai thác, sử dụng dữ liệu, hồ sơ số và công cụ số trong quản lý công việc...

+ Chú trọng bồi dưỡng theo chức danh và theo vấn đề; năng lực xử lý tình huống; bồi dưỡng theo thực tiễn của địa phương.

Giai đoạn 2029 - 2031, đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý, tiếp tục bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với chức danh lãnh đạo, quản lý theo Chương trình của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý. Ưu tiên bồi dưỡng các nội dung về kỷ nguyên mới, về phương thức sản xuất số, về tư duy, kỹ năng quản trị công hiện đại; xây dựng chính quyền số, ứng dụng công nghệ thông tin trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành ở cấp xã. Thời gian bồi dưỡng, tập huấn mỗi khóa từ 02 đến 05 ngày.

Đối với công chức chuyên môn, tiếp tục bồi dưỡng kiến thức chung về quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp đối với công chức chuyên môn ở cấp xã.

Thực hiện bồi dưỡng, tập huấn cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ mới và nghiệp vụ chuyên sâu để thực hiện thành thạo, hiệu quả nhiệm vụ, công vụ được giao. Ưu tiên các nội dung như: Kiến thức pháp luật; đạo đức công vụ; văn hóa công sở, liêm chính; ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số, công nghệ số hỗ trợ hoạt động công vụ; các kiến thức, kỹ năng bổ trợ khác phục vụ tham mưu, thực thi nhiệm vụ chuyên môn ở cấp xã; tập trung bồi dưỡng về phục vụ doanh nghiệp, kinh tế số nông nghiệp, nông thôn, du lịch cộng đồng, quản trị rủi ro xã hội, kỹ năng truyền thông chính sách và phối hợp liên ngành. Thời gian bồi dưỡng, tập huấn mỗi khóa từ 02 đến 05 ngày.

Ngoài các nội dung, chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo Đề án này, công tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên đối với công chức cấp xã vẫn được triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

Nguồn: baohinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 719/QĐ-TTg, phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với ông Đỗ Thành Trung, Phó Bí thư Thành ủy Hải Phòng nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Quyết định số 718/QĐ-TTg, phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với:

+ Ông Lê Anh Quân, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng nhiệm kỳ 2025 - 2030, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

+ Ông Vũ Tiến Phụng, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng nhiệm kỳ 2025 - 2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

+ Ông Lê Trung Kiên, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng nhiệm kỳ 2025 - 2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

+ Ông Nguyễn Minh Hùng, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng nhiệm kỳ 2025 - 2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

+ Ông Trần Văn Quân, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng nhiệm kỳ 2025 - 2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

+ Ông Hoàng Minh Cường, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng nhiệm kỳ 2025 - 2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Quyết định số 729/QĐ-TTg, phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với ông Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Bí thư Thành ủy Đà Nẵng nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Quyết định số 727/QĐ-TTg, phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với:

+ Ông Hồ Kỳ Minh, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng nhiệm kỳ 2025 - 2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

+ Ông Phan Thái Bình, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng nhiệm kỳ 2025 - 2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

+ Ông Trần Nam Hưng, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng nhiệm kỳ 2025 - 2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

+ Ông Trần Chí Cường, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2025 - 2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

+ Ông Lê Quang Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2025 - 2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

+ Ông Trần Anh Tuấn, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2025 - 2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

+ Ông Hồ Quang Bửu, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2025 - 2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

+ Bà Nguyễn Thị Anh Thi, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2025 - 2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2021 - 2026

- Quyết định số 698/QĐ-TTg, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến hết tuổi phục vụ tại ngũ đối với đồng chí Trung tướng Phạm Đức Duyên, Chính ủy Quân khu 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11/5/2026.

- Quyết định số 699/QĐ-TTg, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến hết tuổi phục vụ tại ngũ đối với đồng chí Thiếu tướng Nguyễn Văn Thiện, Phó Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Quốc phòng. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31/5/2026.

*** Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

- Điều động và bổ nhiệm Giáo sư, Tiến sĩ Lại Quốc Khánh, Phó Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng giữ chức Phó Tổng thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2026-2031.

- Điều động và bổ nhiệm Tiến sĩ Nguyễn Huy Phòng, Trưởng Khoa Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị khu vực IV làm thư ký khoa học chuyên trách Ban Thư ký khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương.

Nguồn: Tổng hợp từ baohinhphu.vn và vov.vn